



THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa Quý vị Cổ đông, Quý Khách hàng và toàn thể cán bộ, nhân viên Ngân hàng TMCP Nam Việt (NAVIBANK).

Sau hơn một năm chuyển đổi mô hình hoạt động và chuyển trụ sở chính về TP. Hồ Chí Minh, bằng tất cả sự nỗ lực và quyết tâm của tập thể cán bộ - nhân viên, NAVIBANK đã đạt được những thành tựu đáng kể. Điều đó đã đánh dấu sự phát triển vượt bậc về cơ cấu tổ chức, hiệu quả hoạt động cũng như quá trình thực hiện mục tiêu chiến lược trở thành một trong những ngân hàng thương mại bán lẻ chuyên nghiệp, hoạt động đa năng, chuẩn mực hàng đầu Việt Nam.

Tổng tài sản của NAVIBANK tính đến 31/12/2007 đạt 9.902,7 tỷ Đồng (hoàn thành 99,03% kế hoạch tổng tài sản năm 2007, tăng 779% so với năm 2006 là 1.126,5 tỷ Đồng). Tổng nguồn vốn huy động đạt 9.025,7 tỷ Đồng (hoàn thành 110,07% kế hoạch huy động vốn năm 2007, tăng 1541% so với năm 2006 là 550.02 tỷ Đồng).

Dư nợ tín dụng đạt 4.363,4 tỷ Đồng (hoàn thành 79,34% so với kế hoạch, tăng 23% so với năm 2006 là 3.542,54 tỷ Đồng). Tính đến 31/12/2007, dư nợ xấu của NAVIBANK là 7,1 tỷ Đồng (chiếm 0,16% tổng dư nợ). Tỷ lệ nợ xấu thấp phản ánh chất lượng tín dụng trong thời gian qua an toàn và hiệu quả, điều này chứng tỏ kế hoạch giải ngân, thu hồi nợ của NAVIBANK kịp thời, đáp ứng được tốt yêu cầu của khách hàng.

Tổng lợi nhuận trước thuế của toàn hệ thống lũy kế đến ngày 31/12/2007 đạt 103.036 tỷ Đồng (tăng 260% so với năm 2006 là 28.651 tỷ Đồng). Vào ngày 26/12/2007, NAVIBANK đã hoàn thành xuất sắc chỉ tiêu tăng vốn điều lệ lên 1.000 tỷ Đồng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2006.

Trong năm 2007, NAVIBANK đã tích cực phát triển mạng lưới lên đến 74 điểm giao dịch được đặt tại các địa bàn trọng điểm về kinh tế của cả nước. Mạng lưới hoạt động của Ngân hàng bao gồm 01 Hội sở chính, 05 Chi nhánh và 68 Phòng Giao dịch trực thuộc tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển kinh doanh và gia tăng thêm nhiều sản phẩm và dịch vụ tiện ích cho khách hàng.

Kinh tế thế giới có nhiều biến động lớn cũng đã ảnh hưởng không nhỏ đến nền kinh tế Việt Nam hiện nay. Tỷ lệ lạm phát cao ở mức 16% và nhập siêu quá lớn trong vòng 12 năm trở lại đây làm cho môi trường kinh doanh năm 2007, nhất là lĩnh vực Ngân hàng có những yếu tố không thuận lợi. Do phải tập trung thực thi chính sách thắt chặt tiền tệ để kiềm hãm lạm phát theo chính sách điều phối của Chính phủ, đồng thời cũng phải ra sức khắc phục những hệ lụy do biến động lãi suất vừa qua.

Trên cơ sở nhận định các cơ hội, những thách thức và qua quá trình phân tích, đánh giá nội bộ, Ngân hàng TMCP Nam Việt đã đề ra phương hướng thực hiện mục tiêu chiến lược phù hợp nhằm trở thành một trong những ngân hàng thương mại bán lẻ hàng đầu Việt Nam trong giai đoạn 2008-2012.

Mạng lưới hoạt động của NAVIBANK dự kiến đạt 100 điểm trải rộng ra các tỉnh thành trên khắp cả nước. Ngân hàng cũng chú trọng xây dựng và đào tạo đội ngũ cán bộ nhân viên NAVIBANK có trình độ chuyên môn cao, đạo đức nghề nghiệp và quyết tâm cống hiến cho sự nghiệp phát triển không ngừng của Ngân hàng Nam Việt nói riêng và hệ thống Ngân hàng nói chung.

Thay mặt Hội đồng Quản trị Ngân hàng Nam Việt, tôi trân trọng cảm ơn sự giúp đỡ và ủng hộ nhiệt tình của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Ủy Ban Nhân Dân TP. Hồ Chí Minh, các cơ quan Ban ngành, Quý vị cổ đông, Quý vị khách hàng trong thời gian qua. Chúng tôi rất mong sẽ tiếp tục nhận được sự ủng hộ và tin tưởng rằng NAVIBANK sẽ hoàn thành xuất sắc kế hoạch kinh doanh trong năm 2008, thực hiện được mục tiêu chiến lược trong thời gian ngắn nhất.

Trân trọng kính chào.

Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị



Nguyễn Vĩnh Thọ

2007

NAM VIỆT NGÂN HÀNG
05 | BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông NGUYỄN VĨNH THỌ
Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị
Năm sinh: 1968



Ông ĐẶNG THÀNH TÂM
Thành viên thường trực
Năm sinh: 1964



Ông LÊ QUANG TRÍ
Thành viên
Năm sinh: 1967



Ông VŨ ĐỨC GIANG
Thành viên
Năm sinh: 1954



Ông NGUYỄN QUỐC KHÁNH

Thành viên

Năm sinh: 1964



Bà NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG

Thành viên

Năm sinh: 1971

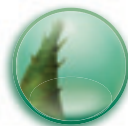


Bà NGUYỄN XUÂN HƯNG

Thành viên

Năm sinh: 1966

2007



GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT



Ông TRẦN QUANG SƠN

Trưởng ban

Năm sinh: 1961



Bà NGÔ THỊ PHƯƠNG THỦY

Thành viên

Năm sinh: 1974



Bà LÊ THỊ MỸ HẠNH

Thành viên

Năm sinh: 1979



Bà NGUYỄN NGỌC CÁT TƯỜNG

Thành viên

Năm sinh: 1975

2007



GIỚI THIỆU BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Ông LÊ QUANG TRÍ
Tổng Giám Đốc
Năm sinh: 1967



Ông CAO KIM SƠN CƯỜNG
Phó Tổng Giám Đốc
Năm sinh: 1967



Ông NGUYỄN GIANG NAM
Phó Tổng Giám Đốc
Năm sinh: 1971



Ông NGUYỄN HỒNG SƠN
Phó Tổng Giám Đốc
Giám Đốc Quan Hệ Khách Hàng
Năm Sinh: 1974



Ông LÂM TRỌNG HẬU
Phó Tổng Giám Đốc
Giám Đốc Chi Nhánh Hà Nội
Năm sinh: 1959

2007



**MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU
CỦA NGÂN HÀNG TMCP NAM VIỆT**





MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU CỦA NGÂN HÀNG TMCP NAM VIỆT

Đơn vị tính: triệu Đồng

STT	Chỉ tiêu	TH 2006	TH 2007	TH 2007 sv TH 2006
A TỔNG TÀI SẢN				
1	Tổng tài sản	1,126,545	9,902,653	879.03%
2	Tài sản có sinh lời	918,142	8,794,857	957.90%
3	TSCSL/TTS	81.50%	88.81%	
B NGUỒN VỐN				
1	Nguồn vốn huy động	550,018	9,025,708	1640.98%
2	Cơ cấu huy động vốn			
	- Dân cư & Tổ chức kinh tế	99.97%	67.85%	
	- Trung dài hạn	22.47%	18.16%	
3	Vốn	500,000	500,000	100.00%
4	Các quỹ	309	4,295	1389.92%
C SỬ DỤNG VỐN				
1	Dự trữ sơ cấp	192,802	767,390	398.02%
2	Góp vốn, liên doanh, mua cổ phần	98,591	229,211	232.49%
3	Cho vay	354,255	4,363,446	1231.72%
4	Cơ cấu cho vay			
	- Cá nhân & Tổ chức kinh tế	100.00%	100.00%	
	- Trung dài hạn	35.92%	62.44%	
5	Nợ xấu	3,691	7,102	192.41%
	Tỷ lệ nợ xấu	1.04%	0.16%	
6	Tài sản cố định	20,871	68,600	328.69%
7	Tài sản có khác	212,315	334,522	157.56%
D KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1	Thu từ lãi	42,569	421,670	990.56%
	Thu ngoài lãi	22,846	142,602	624.19%
2	Chi từ lãi	12,387	345,390	2788.33%
	Chi ngoài lãi	24,377	110,519	453.37%
	Chi dự phòng rủi ro	426	5,327	1250.39%
3	Số dư quỹ DPRR	769	6,095	792.64%
4	Lợi nhuận trước thuế	28,651	103,036	359.62%
5	Lợi nhuận sau thuế	20,826	74,371	357.11%
6	Tỷ lệ lợi nhuận trên tài sản	1.85%	0.75%	
7	Tỷ lệ lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu	4.17%	14.95%	

2007



**BÁO CÁO TỔNG KẾT TÌNH HÌNH
HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2007**



BÁO CÁO TỔNG KẾT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NGÂN HÀNG TMCP NAM VIỆT NĂM 2007

Với tốc độ tăng trưởng GDP đạt trên 8.40% trong năm 2007, Việt Nam được xếp vào nhóm 03 quốc gia có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao nhất Châu Á, chỉ sau Trung Quốc (11.30%), Ấn Độ (9.00%) và đồng thời cũng được nhìn nhận là quốc gia có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao nhất trong khối ASEAN. Đóng góp vào thành quả chung đó, nhóm ngành kinh tế dịch vụ mà nổi trội nhất là khu vực tài chính ngân hàng đã có được sự tăng trưởng hết sức ấn tượng đạt mức 8.50% trong năm 2007, nâng tỷ trọng đóng góp của nhóm ngành dịch vụ đạt trên 38% GDP.

Trong sự sôi động của một nền kinh tế có tốc độ tăng trưởng ấn tượng như vậy, hoạt động tài chính ngân hàng Việt Nam trong năm qua cũng diễn ra sôi động không kém đồng thời cũng đã để lại những mốc son quan trọng đánh dấu sự trưởng thành của mình. Bắt đầu bằng sự kiện Việt Nam trở thành thành viên chính thức của Tổ chức Thương mại Thế giới vào cuối năm 2006, ngay vào những ngày đầu năm 2007, hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam đã có cuộc chạy nước rút trong việc phát triển và hoàn thiện hệ thống kênh phân phối, đầu tư cải tiến công nghệ, nâng cao chất lượng công tác quản trị rủi ro,... để chuẩn bị cho làn sóng thâm nhập của các ngân hàng thương mại nước ngoài khi thị trường dịch vụ tài chính ngân hàng Việt Nam được dỡ bỏ hoàn toàn các rào cản.

Không nằm ngoài xu thế chung đó, chỉ sau hơn một năm chuyển đổi mô hình hoạt động và chuyển trụ sở chính về TP. Hồ Chí Minh, bằng tất cả sự nỗ lực và quyết tâm của cả tập thể cán bộ nhân viên, Ngân hàng TMCP Nam Việt đã có được sự tăng trưởng hết sức ấn tượng về quy mô hoạt động lẫn hiệu quả kinh doanh trong năm tài chính 2007. Có thể nói rằng, những thành quả bước đầu này là mốc son quan trọng đánh dấu sự trưởng thành về mặt lượng để tự tin thực hiện tiếp sự thay đổi về mặt chất trong năm 2008 nhằm thực hiện thành công mục tiêu chiến lược trở thành ngân hàng thương mại bán lẻ hoạt động đa năng, chuẩn mực hàng đầu Việt Nam.



I. MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN.

1. Tổng tài sản.

Tổng tài sản của toàn Ngân hàng tính đến 31/12/2007 đạt 9,902,653 triệu Đồng, tăng 8,776,108 triệu Đồng (779.03%) so với đầu năm, đồng thời Ngân hàng đã hoàn thành 99,03% kế hoạch tổng tài sản năm 2007. Tổng tài sản tăng chủ yếu từ nguồn huy động.

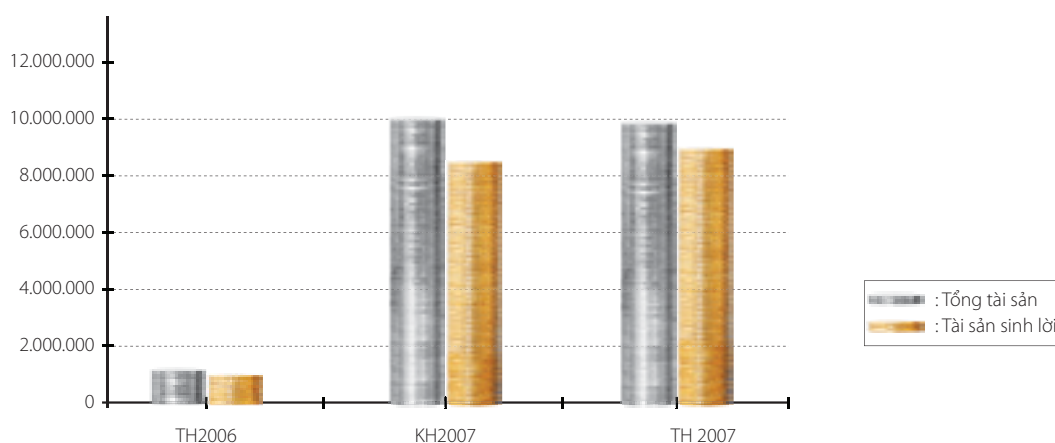
Tài sản có sinh lời đạt 8,794,857 triệu Đồng, chiếm 88.81% tổng tài sản. Tỷ trọng tài sản có sinh lời tăng mạnh so với thời điểm đầu năm do Ngân hàng đã tập trung đầu tư tiền gửi có kỳ hạn tại các TCTD và đẩy mạnh tăng trưởng dư nợ tín dụng. Chi tiết các khoản mục tài sản có như sau:

STT	Khoản mục	Giá trị (triệu Đồng)	Tỷ trọng
1	Tiền gửi tại các TCTD	4,154,301	41.95%
2	Cho vay	4,356,346	43.99%
3	Đầu tư thành lập Cty trực thuộc	47,000	0.47%
4	Liên doanh, góp vốn khác	182,210	1.84%
5	Ủy thác đầu tư	55,000	0.56%
6	Tài sản không sinh lời	1,107,796	11.19%

Tổng tài sản phân theo đơn vị thành viên:

Đơn vị tính: triệu Đồng

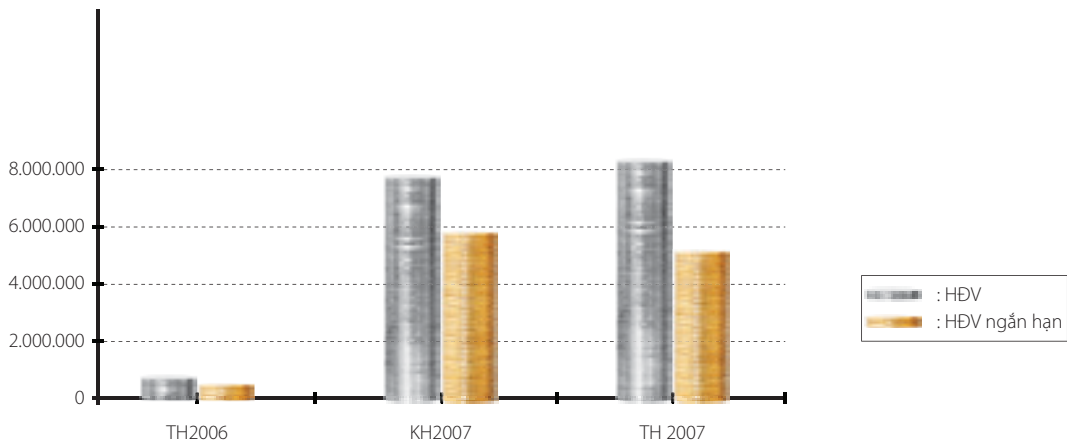
STT	Tiêu chí	Tổng tài sản	Tài sản có sinh lời	Tỷ trọng
1	Hội sở chính	8,206,099	7,216,361	87.94%
2	Chi nhánh Kiên Giang	217,979	196,418	90.11%
3	Chi nhánh Hà Nội	2,170,216	2,099,232	96.73%
4	Chi nhánh Hải Phòng	286,778	265,465	92.57%
5	Chi nhánh Đà Nẵng	310,237	288,500	92.99%
6	Chi nhánh Cần Thơ	162,752	154,971	95.22%



2007

2. Huy động vốn.

Nguồn vốn huy động của Ngân hàng tính đến ngày 31/12/2007 đạt 9,025,708 triệu Đồng, tăng 8,475,690 triệu Đồng (1540.98%) so với đầu năm; đồng thời hoàn thành 110.07% kế hoạch huy động vốn năm 2007. Nguồn huy động tăng chủ yếu từ các tổ chức kinh tế và dân cư.



Cơ cấu nguồn vốn huy động:

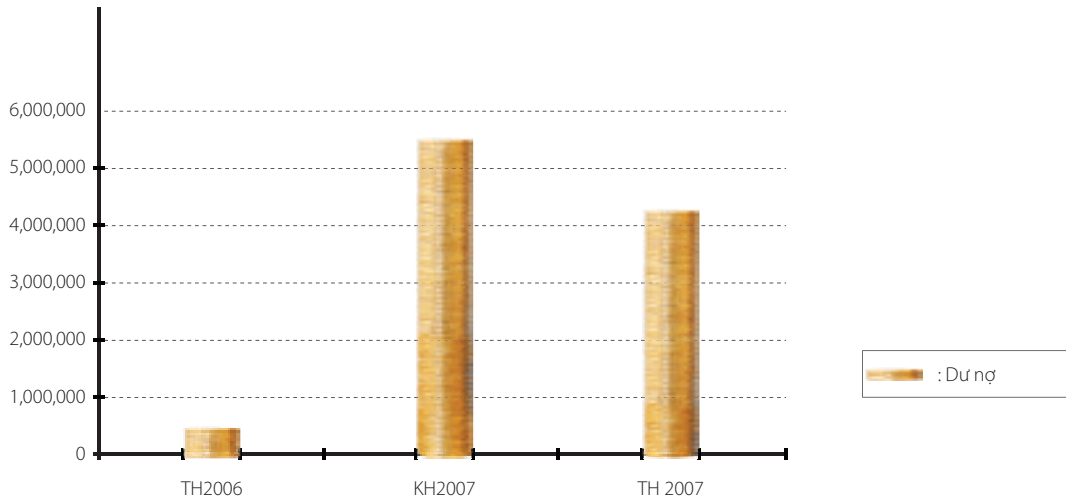
Đơn vị tính: triệu Đồng

STT	Tiêu chí	Số dư	Tỷ trọng
Theo thành phần kinh tế		9,025,708	100.00%
1	Cá nhân	3,165,818	35.08%
2	Tổ chức kinh tế	2,957,750	32.77%
3	Tổ chức tài chính, tín dụng	2,902,140	32.15%
Theo thời hạn		9,025,708	100.00%
1	Không kỳ hạn	2,345,700	25.99%
2	Ngắn hạn	5,041,051	55.85%
3	Trung dài hạn	1,638,957	18.16%
Theo đơn vị		9,025,708	100.00%
1	Hội sở chính	6,241,286	69.15%
2	Chi nhánh Hà Nội	2,150,845	23.83%
3	Chi nhánh Hải Phòng	210,066	2.33%
4	Chi nhánh Kiên Giang	116,438	1.29%
5	Chi nhánh Đà Nẵng	260,079	2.88%
6	Chi nhánh Cần Thơ	46,994	0.52%

3. Cho vay.

Dư nợ tín dụng của Ngân hàng tính đến 31/12/2007 đạt 4,363,446 triệu Đồng, tăng 4,009,191 triệu Đồng (1131.72%) so với đầu năm. Với kết quả như vậy, Ngân hàng đã hoàn thành 79.34% kế hoạch dư nợ năm 2007.

Dư nợ cho vay ngắn hạn chiếm 37.56% tổng dư nợ và tập trung chủ yếu vào cho vay khách hàng cá nhân.



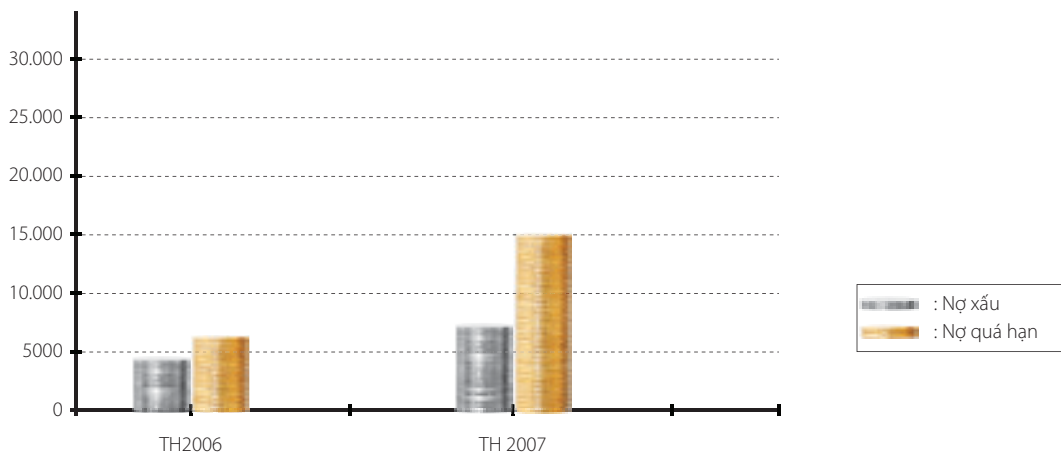
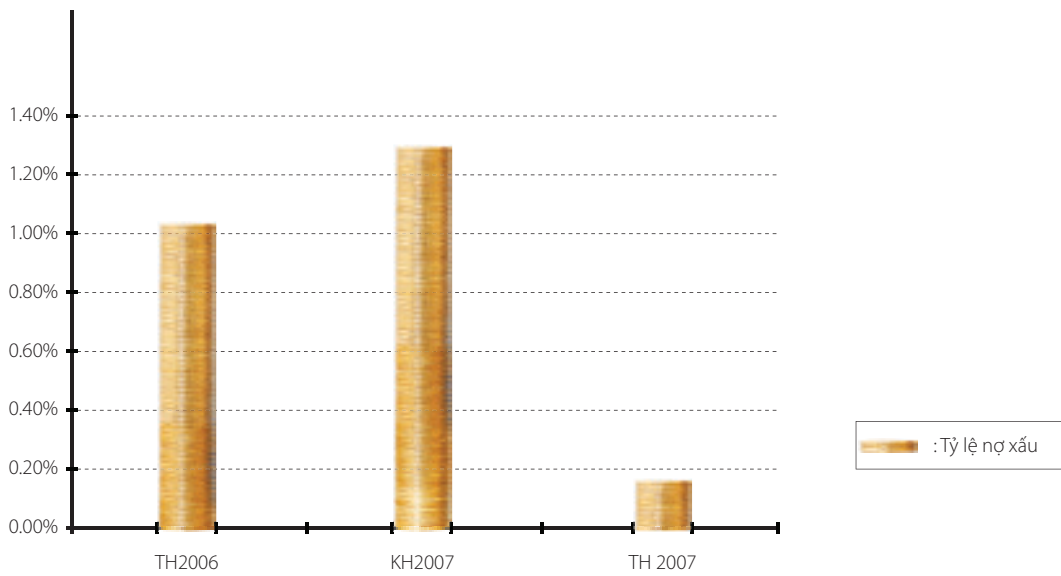
Cơ cấu dư nợ tín dụng:

Đơn vị tính: triệu Đồng

STT	Tiêu chí	Số dư	Tỷ trọng
Theo thành phần kinh tế		4,363,446	100.00%
1	Cá nhân	2,439,378	55.90%
2	Tổ chức kinh tế	1,924,068	44.10%
Theo thời hạn		4,363,446	100.00%
1	Ngắn hạn	1,638,836	37.56%
2	Trung dài hạn	2,724,610	62.44%
Theo đơn vị		4,363,446	100.00%
1	Hội sở chính	2,779,601	63.70%
2	Chi nhánh Kiên Giang	201,429	4.62%
3	Chi nhánh Hà Nội	673,141	15.43%
4	Chi nhánh Hải Phòng	265,465	6.08%
5	Chi nhánh Đà Nẵng	288,839	6.62%
6	Chi nhánh Cần Thơ	154,971	3.55%

2007

Chất lượng tín dụng: tính đến thời điểm 31/12/2007, số dư nợ xấu (nợ phân loại các nhóm 3, 4, 5 theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN) của Ngân hàng là 7,102 triệu Đồng, chiếm 0.16% tổng dư nợ, giảm 0.88% so với đầu năm. Tỷ lệ nợ xấu thấp phản ánh chất lượng tín dụng của ngân hàng trong thời gian qua tương đối tốt; kế hoạch giải ngân, phân loại và thu hồi nợ hợp lý.



Nợ xấu phân theo đơn vị:

Đơn vị tính: triệu Đồng

STT	Đơn vị	TH 2006		TH 2007	
		Số dư	Tỷ lệ (%)	Số dư	Tỷ lệ (%)
1	Hội sở chính	-	-	1,752	0.06
2	Chi nhánh Kiên Giang	3,691	5.31	5,012	2.49
3	Chi nhánh Hà Nội	-	-	-	-
4	Chi nhánh Hải Phòng	-	-	-	-
5	Chi nhánh Đà Nẵng	-	-	338	0.12
6	Chi nhánh Cần Thơ	-	-	-	-
Tổng cộng		3,691	1.04	7,102	0.16

4. Đầu tư.

Tính đến thời điểm cuối tháng 12/2007, tổng số dư tiền gửi có kỳ hạn của Ngân hàng tại các tổ chức tín dụng khác đạt 3,765,689 triệu Đồng, chiếm 38.03% tổng tài sản.

Chi tiết các khoản góp vốn đầu tư của Ngân hàng tính đến cuối tháng 12/2007 như sau:

Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản Nam Việt Ngân hàng	: 47,000 triệu Đồng.
Công ty CP KCN Sài Gòn – Cần Thơ	: 9,000 triệu Đồng.
Công ty CP PTĐT Sài Gòn – Tây Bắc	: 15,000 triệu Đồng.
Công ty CP KCN Sài Gòn – Nhơn Hội	: 11,000 triệu Đồng.
Công ty CP Bảo hiểm Bảo Tín	: 8,000 triệu Đồng.
Công ty CP KCN Sài Gòn – Hải Phòng	: 11,000 triệu Đồng.
Công ty CP DL Sài Gòn – Qui Nhơn	: 5,000 triệu Đồng.
Ngân hàng TMCP Miền Tây	: 40,837 triệu Đồng.
Công ty CP ĐT Việt Số	: 8,000 triệu Đồng.
Công ty TNHH TM Quả Cầu Vàng	: 18,374 triệu Đồng.
Công ty CP Địa ốc Nam Việt	: 11,000 triệu Đồng.
Công ty ĐT&PT hạ tầng Khu công nghệ cao Sài Gòn	: 30,000 triệu Đồng.
Quỹ Đầu tư chứng khoán Y tế Bản Việt	: 15,000 triệu Đồng.

2007

5. Lợi nhuận.

Tổng lợi nhuận trước thuế của toàn hệ thống lũy kế đến ngày 31/12/2007 đạt 103,036 triệu Đồng, tăng 74,385 triệu Đồng (259.62%) so với đầu năm. Nguồn thu chủ yếu đóng góp vào lợi nhuận của Ngân hàng là từ hoạt động đầu tư tài chính ngắn hạn và nghiệp vụ cho vay.

Đơn vị tính: triệu Đồng

STT	Chỉ tiêu	TH 2007
1	Tổng doanh thu	564,272
	Thu từ lãi	421,670
	Thu ngoài lãi	142,602
2	Tổng chi phí	461,236
	Chi trả lãi	345,390
	Chi ngoài lãi	110,519
	Chi dự phòng	5,327
3	Lợi nhuận trước thuế	103,036
	Hội sở chính	102,473
	Chi nhánh Kiên Giang	1,997
	Chi nhánh Hà Nội	4,077
	Chi nhánh Hải Phòng	(1,670)
	Chi nhánh Đà Nẵng	(2,978)
	Chi nhánh Cần Thơ	(864)

II. HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ.

1. Dịch vụ thanh toán.

a. Dịch vụ thanh toán trong nước.

Tính đến thời điểm cuối năm 2007, Ngân hàng TMCP Nam Việt đã tham gia đầy đủ các kênh thanh toán trong nước như Thanh toán điện tử liên ngân hàng, Thanh toán bù trừ do Ngân hàng Nhà nước tổ chức. Bên cạnh đó, việc nghiên cứu và phát triển hệ thống các ngân hàng đại lý của Ngân hàng TMCP Nam Việt trên phạm vi cả nước đã nâng cao tính chính xác, an toàn và quan trọng hơn là giúp đẩy nhanh tốc độ xử lý các lệnh thanh toán.

Tổng doanh số thanh toán (bao gồm chuyển tiền đến và chuyển tiền đi) trong nước của năm 2007 đạt 37,996 triệu Đồng, đồng thời đem lại doanh thu dịch vụ thanh toán trong nước đạt trên 500 triệu Đồng.

b. Dịch vụ thanh toán quốc tế.

Mặc dù chưa được phép thực hiện nghiệp vụ thanh toán quốc tế trực tiếp nhưng hoạt động thanh toán quốc tế của Ngân hàng TMCP Nam Việt trong năm qua đã có được sự tăng trưởng đáng kể về doanh số lẫn phí dịch vụ. Tính đến cuối năm 2007, Ngân hàng đã phát hành 104 L/C nhập khẩu với tổng giá trị đạt gần 60 triệu USD, thanh toán 92 L/C nhập khẩu với tổng giá trị đạt gần 30 triệu USD. Đối với nghiệp vụ nhờ thu, trong năm 2007, Ngân hàng đã thực hiện 15 giao dịch với tổng giá trị đạt gần 300.000 USD.

Tổng doanh thu dịch vụ thanh toán quốc tế trong năm 2007 đạt gần 01 tỷ Đồng.

2. Dịch vụ tín dụng.

Doanh số bảo lãnh năm 2007 đạt gần 100 tỷ Đồng, tăng gần 25 lần so với doanh số bảo lãnh năm 2006, trong đó tỷ trọng nghiệp vụ bảo lãnh cho khách hàng vay vốn chiếm hơn 70%. Thu từ nghiệp vụ bảo lãnh đạt gần 250 triệu Đồng.

Các nguồn thu khác từ hoạt động tín dụng như thu phí phát hành thư hứa cung cấp tín dụng, phí thẩm định hồ sơ vay, phí thu xếp tài chính, phí cấp hạn mức thấu chi,... có sự tăng trưởng đáng kể. Tính đến cuối năm 2007, tổng thu phí từ các dịch vụ tín dụng (không tính nghiệp vụ bảo lãnh) đạt gần 02 tỷ Đồng.

3. Dịch vụ Thẻ.

Chưa tròn 01 năm kể từ thời điểm chính thức thành lập, Trung tâm Thẻ Ngân hàng TMCP Nam Việt đã giới thiệu với thị trường những Thẻ ghi nợ và Thẻ tín dụng đầu tiên. Tính đến cuối năm 2007, Ngân hàng triển khai lắp đặt và đưa vào sử dụng thành công 07 ATM và mạng lưới gần 100 điểm chấp nhận thẻ do Ngân hàng phát hành trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh. Song song đó, trong năm 2007, Ngân hàng cũng đã phát hành gần 1.500 Thẻ ghi nợ và Thẻ tín dụng cho khách hàng.

Theo kế hoạch, vào đầu năm 2008, Ngân hàng sẽ kết nối vào hệ thống ATM Smartlink và Banknet, đây là hai hệ thống liên minh thẻ lớn nhất Việt Nam.

2007

NAM VIỆT NGÂN HÀNG
25 | BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

4. Dịch vụ kinh doanh ngoại hối.

Mặc dù đã có rất nhiều cố gắng nhưng do chưa được thực hiện nghiệp vụ thanh toán quốc tế trực tiếp cũng như chưa được phép thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh ngoại hối phái sinh nên doanh số giao dịch cũng như lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh ngoại hối vẫn còn khiêm tốn. Tổng doanh số giao dịch mua bán ngoại tệ trong năm đạt khoảng 80 triệu USD, trong đó, giao dịch mua bán ngoại tệ USD chiếm tỷ trọng trên 95% tổng giá trị giao dịch. Thu nhập ròng từ hoạt động kinh doanh ngoại hối trong năm 2007 đạt khoảng 300 triệu Đồng.

III. HOẠT ĐỘNG MARKETING.

1. Sản phẩm.

Với định hướng đa dạng hóa danh mục sản phẩm, tạo sự khác biệt về chất lượng cho các sản phẩm dịch vụ do Ngân hàng cung cấp, trong năm 2007, Ngân hàng đã nghiên cứu, hoàn thiện và chính thức cung cấp một số sản phẩm, dịch vụ mang đậm hàm lượng công nghệ, tính tiện ích cao ra thị trường như Thủ chi tài khoản thanh toán dành cho khách hàng (cá nhân và tổ chức kinh tế) có quan hệ tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng, Huy động và cho vay bằng vàng, Mobile banking, Home banking,... Theo kế hoạch, một loạt các sản phẩm dịch vụ cao cấp và đầy tính tiện ích khác sẽ được Ngân hàng giới thiệu đến thị trường vào đầu năm 2008 bao gồm Tiền gửi tích hợp, Tiết kiệm tích lũy, Phone banking, Nghiệp vụ kinh doanh các công cụ phái sinh,...

2. Giá.

Ngân hàng hiện đang áp dụng chính sách giá linh hoạt và khép kín nhằm mục đích thu hút khách hàng và tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường, đồng thời bù đắp đủ các chi phí cũng như lợi nhuận kỳ vọng của Ngân hàng. Trong năm 2007, Ngân hàng đã có 05 lần điều chỉnh lãi suất huy động và 03 lần thay đổi lãi suất cho vay cho phù hợp với biến động lãi suất trên thị trường.

3. Mạng lưới.

Tính đến cuối năm 2007, mạng lưới giao dịch của Ngân hàng bao gồm 74 điểm giao dịch được đặt tại các địa bàn trọng yếu về kinh tế của cả nước như TP. Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng, Cần Thơ, Kiên Giang, Bình Dương, Đồng Nai, Bắc Ninh, Mạng lưới này bao gồm 01 Hội sở chính, 05 Chi nhánh và 68 Phòng Giao dịch trực thuộc Hội sở chính và các Chi nhánh.

Mặc dù được thành lập trong năm 2007 đa số các Phòng Giao dịch, đặc biệt là các Phòng giao dịch đóng trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh và Hà Nội đều hoạt động kinh doanh khá hiệu quả và bước đầu đã đạt được điểm hòa vốn.

Chi tiết mạng lưới giao dịch của Ngân hàng tính đến 31/12/2007 như sau:

STT	Đơn vị Quản lý	Địa bàn	Thực hiện 2007			
			Hội sở	Chi nhánh	Phòng giao dịch	Tổng
1	Hội sở chính	TP. Hồ Chí Minh	1		22	23
		Long An			2	2
		Đồng Nai			1	1
		Bình Dương			1	1
		Tiền Giang			1	1
		Bà Rịa – Vũng Tàu			1	1
2	Chi nhánh Hà Nội	Hà Nội		1	12	13
		Bắc Ninh			1	1
		Thái Nguyên			1	1
		Hà Tây			1	1
		Bắc Giang			1	1
		Hưng Yên			1	1
3	Chi nhánh Hải Phòng	Hải Phòng		1	4	5
		Quảng Ninh			1	1
4	Chi nhánh Đà Nẵng	Đà Nẵng		1	5	6
		Thừa Thiên – Huế			1	1
5	Chi nhánh Cần Thơ	Cần Thơ		1	1	2
		Vĩnh Long			1	1
		Hậu Giang			1	1
		Đồng Tháp			1	1
6	Chi nhánh Kiên Giang	Kiên Giang		1	5	6
		An Giang			1	1
		Bạc Liêu			1	1
		Cà Mau			1	1
TỔNG			1	5	68	74

2007

4. Chiêu thị.

Hoạt động khuyến mại: các chương trình khuyến mại của Ngân hàng đã thu hút được nhiều sự chú ý và tham gia của khách hàng thể hiện qua sự tăng trưởng mạnh về nguồn vốn huy động lẫn dư nợ tín dụng. Trong năm 2007, Ngân hàng đã thực hiện 03 chương trình khuyến mại trong đó có 02 chương trình nhằm thu hút nguồn huy động và 01 chương trình khuyến mại nhằm đẩy mạnh tốc độ tăng trưởng tín dụng.

Hoạt động truyền thông: hoạt động quảng cáo, quảng bá của Ngân hàng diễn ra liên tục, kênh truyền thông đa dạng, hiệu quả, có tác dụng quảng bá và hỗ trợ tốt cho việc thực hiện các chính sách kinh doanh của Ngân hàng đồng thời giúp tăng dần độ nhận biết của khách hàng về thương hiệu NAVIBANK.

Câu lạc bộ NAVIBANK được thành lập dành cho khách hàng có số dư tiền gửi lớn tại ngân hàng. Thành viên của Câu lạc bộ được hưởng các chính sách ưu đãi về lãi suất, phí dịch vụ và các tiện ích gia tăng khác khi giao dịch tại Ngân hàng. Hiện nay, Câu lạc bộ đã kết nạp 886 thành viên, trong đó:

- Số thành viên hạng vàng : 142 người

- Số thành viên hạng bạc : 219 người

- Số thành viên hạng đồng : 525 người.

IV. CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC.

1. Công tác quản trị điều hành.

Xin phép thành lập Công ty cổ phần chứng khoán Nam Việt Ngân hàng (Ngân hàng tham gia góp vốn 33 tỷ Đồng, chiếm 11% vốn điều lệ của Công ty) đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận về nguyên tắc.

Thành lập và đưa vào hoạt động Công ty cổ phần Địa ốc Nam Việt (Naviland) với số vốn góp 11 tỷ Đồng, chiếm 11% vốn điều lệ của Công ty.

Hoàn tất thủ tục tăng vốn điều lệ lên 1.000 tỷ Đồng.

Tổ chức thành công Đại hội Công đoàn Ngân hàng TMCP Nam Việt năm 2007.

2. Công tác quản trị nguồn nhân lực.

Với quy mô hoạt động và mạng lưới giao dịch rộng khắp như hiện nay, việc thu hút và phát triển nguồn nhân lực có kinh nghiệm thực tiễn, trình độ chuyên môn cao là hết sức quan trọng. Tính đến cuối năm 2007, số lượng cán bộ nhân viên đang công tác tại Ngân hàng bao gồm:

Nhân sự là thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành của Ngân hàng bao gồm 15 người trong đó có 08 người có trình độ trên Đại học và 07 người có trình độ Đại học.

Cán bộ nhân viên Ngân hàng:

Chỉ tiêu phân loại	Năm 2006	Tỷ trọng	Năm 2007	Tỷ trọng
1. Nhân sự	314		862	
Nam	144	45.86%	356	41.30%
Nữ	170	54.14%	506	58.70%
2. Đào tạo	314		862	
Trên đại học	07	2.23%	19	2.20%
Đại học	194	61.78%	608	70.53%
Cao đẳng, Trung cấp	67	21.34%	93	10.80%
Lao động khác	46	14.65%	142	16.47%
Tổng số	314	100%	862	100%

3. Công tác đoàn thể và hoạt động xã hội.

Bên cạnh các hoạt động kinh doanh, trong năm 2007, Ngân hàng đã tích cực tham gia các hoạt động đoàn thể xã hội, các chương trình từ thiện trên phạm vi cả nước như ủng hộ Quỹ từ thiện của Báo Công an Nhân dân, Quỹ bảo trợ chất độc màu da cam, ủng hộ Bộ đội Quần đảo Trường Sa, ủng hộ xây nhà tình nghĩa, ủng hộ nạn nhân của sự cố sập cầu Cầu Thơ, tài trợ học bổng cho sinh viên chuyên ngành Ngân hàng, Ngoại thương, Marketing của trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh,...

Công đoàn Ngân hàng TMCP Nam Việt tích cực tham gia các hoạt động phong trào do Liên đoàn lao động TP. Hồ Chí Minh, Liên đoàn lao động Quận 1 phát động.

2007



V. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2007

Ngân hàng đã xuất sắc thực hiện thành công mục tiêu tăng trưởng nhanh và hiệu quả trong năm 2007. Tất cả các chỉ tiêu tài chính cơ bản như tổng tài sản, huy động vốn, cho vay, lợi nhuận, tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu,... đều có sự tăng trưởng hết sức ấn tượng.

Chất lượng tín dụng được kiểm soát chặt chẽ, tỷ lệ nợ xấu giảm mạnh so với thời điểm đầu năm.

Hệ thống quy trình, quy chế liên quan đến tất cả các nghiệp vụ đều được nghiên cứu, xây dựng và ban hành áp dụng thống nhất trong phạm vi toàn hệ thống. Đội ngũ kiểm soát viên giàu kinh nghiệm, vững vàng về kiến thức chuyên môn nghiệp vụ đã hỗ trợ tích cực đối với công tác giám sát việc tuân thủ các quy trình, quy chế cũng như giúp phát hiện từ xa các sai phạm có thể dẫn đến rủi ro trong hoạt động kinh doanh.

Xây dựng được hệ thống trên 74 điểm giao dịch trải đều trên phạm vi cả nước.

Triển khai thành công hệ thống ATM, phát hành Thẻ tín dụng và Thẻ ghi nợ mang thương hiệu Navicard đầu tiên ra thị trường.

Xây dựng được đội ngũ gần 1.000 cán bộ nhân viên trẻ trung, chuyên nghiệp, năng động và gắn bó lâu dài với Ngân hàng. Trẻ hoá đội ngũ cán bộ quản lý cấp trung lẫn cấp cao.

Tổng Giám đốc



Lê Quang Trí

2007

NAM VIỆT NGÂN HÀNG
31 | BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



**KẾ HOẠCH KINH DOANH
NGÂN HÀNG TMCP NAM VIỆT NĂM 2008**





ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC KINH DOANH

1. Phân tích SWOT.

a. Điểm mạnh (Strength).

Đội ngũ cán bộ nhân viên trẻ, năng động, được đào tạo một cách bài bản, chính quy, sẵn sàng tiếp thu kiến thức mới.

Các cổ đông chiến lược có tiềm lực tài chính vững mạnh.

Mạng lưới giao dịch rộng khắp, các điểm giao dịch tập trung tại các thành phố lớn trên cả nước tạo thuận lợi cho khách hàng giao dịch.

b. Điểm yếu (Weakness).

Thương hiệu NAVIBANK còn mới, chưa được nhiều người biết đến.

Đội ngũ nhân viên trẻ nên kinh nghiệm thực tế còn hạn chế. Song song đó, công tác đào tạo chưa sát với thực tế, chưa đáp ứng yêu cầu công việc.

Một số dịch vụ ngân hàng còn thiếu do chưa được Ngân hàng Nhà nước cấp phép (thanh toán quốc tế, kinh doanh vàng,...)

c. Cơ hội (Opportunity).

Nền kinh tế có được tốc độ tăng trưởng đạt trên mức 8% trong suốt giai đoạn 2002–2007. Với tốc độ tăng trưởng kinh tế cao như vậy, nhu cầu vốn phục vụ đầu tư phát triển cũng như nhu cầu về các sản phẩm dịch vụ tài chính sẽ rất lớn.

Số lượng doanh nghiệp mới thành lập, đặc biệt là các doanh nghiệp có quy mô hoạt động vừa và nhỏ tăng lên rất nhanh.

Tiềm năng vốn trong dân cư vẫn còn rất lớn.

Tâm lý của người dân thích giao dịch với các ngân hàng Việt Nam cũng sẽ là yếu tố thuận lợi để các ngân hàng trong nước quan tâm khai thác.

d. Thách thức (Threatening).

Thị trường tài chính có nhiều biến động vượt ngoài tầm kiểm soát, tình hình lạm phát kéo dài, các chính sách tài chính vĩ mô chưa thể hiện được tính nhất quán và xuyên suốt trong thời gian qua.

Người dân Việt Nam và kể cả các doanh nghiệp Việt Nam vẫn còn thói quen cất giữ tiền mặt và chưa thấy được các tiện ích của việc thanh toán không dùng tiền mặt.

Năng lực cạnh tranh của các ngân hàng trong nước vẫn còn quá hạn chế so với các ngân hàng nước ngoài về quy mô vốn, công nghệ, kỹ năng quản trị điều hành và quản lý rủi ro.

Thị trường tài chính được mở cửa hoàn toàn, các ngân hàng thương mại nước ngoài được đối xử bình đẳng như đối với các ngân hàng thương mại trong nước.

2007

2. Định hướng chiến lược kinh doanh:

a. Mục tiêu chiến lược.

Gia nhập WTO vào cuối năm 2006, dự báo đến đầu năm 2008, Việt Nam sẽ chính thức có các ngân hàng thương mại 100% vốn nước ngoài hoạt động. Với hình thức đầu tư này, các ngân hàng nước ngoài sẽ được đối xử bình đẳng như đối với các ngân hàng thương mại trong nước mà cụ thể hơn, họ sẽ được phép mở các điểm giao dịch, chủ động hơn trong công tác tín dụng đồng thời được phép thành lập các công ty trực thuộc, ... Như vậy, với tiềm lực hùng hậu về tài chính – công nghệ – kỹ năng quản lý, theo như dự đoán, thị phần bán buôn có nhiều khả năng sẽ thuộc về các ngân hàng thương mại nước ngoài.

Đứng ở góc độ các ngân hàng thương mại Việt Nam, do thua kém về năng lực quản lý điều hành, do thua kém về vốn và công nghệ nên sẽ rất khó khăn nếu chấp nhận con đường đối đầu trực tiếp với các ngân hàng thương mại nước ngoài. Sự lựa chọn hợp lý lúc này là lựa chọn cho mình một phân khúc thị trường thích hợp và tận dụng các lợi thế sẵn có như mạng lưới kênh phân phối, khả năng am hiểu thị trường trong nước, ... để khai thác phân khúc này. Như vậy, việc xác định mục tiêu chiến lược trở thành **ngân hàng thương mại bán lẻ hàng đầu Việt Nam** của Ngân hàng TMCP Nam Việt là hoàn toàn có cơ sở và phù hợp với bối cảnh kinh doanh thực tế. Tuy vậy, để có thể đạt được mục tiêu chiến lược trong thời gian sớm nhất và với chi phí thấp nhất, Ngân hàng TMCP Nam Việt cần thiết phải xác định cho riêng mình đường hướng chiến lược kinh doanh một cách cụ thể. Trên cơ sở đường hướng chiến lược kinh doanh chung đã được xác định, các kế hoạch kinh doanh của từng bộ phận như kế hoạch tài chính, kế hoạch Marketing, kế hoạch nhân sự, ... được xây dựng và triển khai thực hiện nhưng vẫn đảm bảo tính thống nhất về mục tiêu chiến lược trên phạm vi toàn hệ thống.

MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC

NAVIBANK định hướng trở thành là một trong những ngân hàng thương mại bán lẻ hàng đầu của Việt Nam, hoạt động đa năng với sản phẩm đa dạng, chất lượng dịch vụ cao, mạng lưới kênh phân phối rộng dựa trên nền tảng mô hình tổ chức và quản lý theo chuẩn mực quốc tế, công nghệ thông tin hiện đại, công nghệ ngân hàng tiên tiến.

Các nội dung cơ bản của mục tiêu chiến lược được thể hiện như sau:

Khách hàng mục tiêu: khách hàng cá nhân, các doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ.

Dịch vụ chính: củng cố và hoàn thiện các sản phẩm truyền thống như huy động và cho vay đồng thời ứng dụng công nghệ hiện đại vào các sản phẩm dịch vụ hỗ trợ như kinh doanh hối đoái, thanh toán trong nước và quốc tế, dịch vụ thẻ, ...

Thị trường mục tiêu: Việt Nam.

Sự quan tâm đối với khả năng sinh lợi: nhận định khả năng sinh lợi có quan hệ cùng chiều với mức độ rủi ro. Ngân hàng chấp nhận rằng các quyết định đầu tư của mình có khả năng sinh lợi không cao nhưng ngược lại hoạt động kinh doanh sẽ diễn ra ổn định, quá trình phát triển sẽ bền vững.

Triết lý hoạt động: Nguồn lực con người là yếu tố quyết định sự thành công của Ngân hàng.

Văn hóa Ngân hàng: một Ngân hàng với đội ngũ nhân viên thân thiện và chuyên nghiệp, tinh thần trách nhiệm cao.

Tự đánh giá về năng lực cạnh tranh: với xuất phát điểm không cao nhưng Ngân hàng TMCP Nam Việt vẫn tự tin có thể thực hiện thành công mục tiêu chiến lược đã đề ra do đang sở hữu đội ngũ cán bộ nhân viên trẻ, chuyên nghiệp, có trình độ, năng động và đầy nhiệt huyết.

b. Chiến lược kinh doanh.

Trên cơ sở nhận định các cơ hội và thách thức do môi trường bên ngoài đem lại đối với lĩnh vực kinh doanh ngân hàng cũng như đánh giá, nhận định các điểm mạnh và điểm yếu của chính bản thân Ngân hàng TMCP Nam Việt, để có thể thực hiện thành công mục tiêu chiến lược trở thành ngân hàng thương mại bán lẻ hàng đầu Việt Nam, các chiến lược kinh doanh được đề nghị cùng phối hợp thực hiện trong giai đoạn 2008 – 2012 bao gồm:

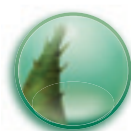
Chiến lược thâm nhập thị trường: chiến lược tập trung giải quyết vấn đề gia tăng thị phần của Ngân hàng trên các thị trường hiện có. Chiến lược này được thực hiện thông qua kế hoạch quảng cáo, khuyến mại, quan hệ công chúng,... nhằm gia tăng khả năng nhận biết cũng như kích thích khách hàng sử dụng dịch vụ tài chính của Ngân hàng.

Chiến lược phát triển thị trường (mở rộng mạng lưới hoạt động): chiến lược tập trung giải quyết vấn đề phát triển hệ thống kênh phân phối (bao gồm kênh phân phối truyền thống lẫn các kênh phân phối ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại) tại các thị trường mới nhằm đón đầu và chiếm lĩnh thị trường.

Chiến lược phát triển sản phẩm: tạo sự khác biệt cho các sản phẩm dịch vụ của Ngân hàng bằng cách ứng dụng công nghệ hiện đại để tăng tính chính xác, an toàn, bảo mật, nhanh chóng trong quá trình giao dịch. Đầu tư cho hoạt động nghiên cứu khảo sát nhu cầu và thị hiếu của khách hàng để phục vụ cho công tác thiết kế sản phẩm. Sản phẩm dịch vụ tài chính của Ngân hàng phải được thiết kế theo hướng mở, đảm bảo tính linh hoạt cần thiết nhằm đáp ứng các nhu cầu khác biệt của khách hàng.

2007





MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH 2008

STT	Chỉ tiêu	TH 2006	TH 2007	KH 2008
1	Mạng lưới giao dịch (điểm giao dịch)	15	74	100
	Hội sở chính	1	1	1
	Sở Giao dịch			1
	Chi nhánh	2	5	8
	Phòng Giao dịch	12	68	90
2	Nhân sự (lao động)	314	862	1,300
3	Tổng tài sản (triệu Đồng)	1,126,544	9,902,653	20,210,000
	Tỷ trọng tài sản có sinh lời	76%	87%	89%
4	Huy động vốn (triệu Đồng)	550,018	9,025,708	17,500,000
	Tỷ trọng huy động nội tệ	96%	85%	85%
	Tỷ trọng huy động ngắn hạn	78%	78%	70%
	Tỷ trọng huy động TCKT và dân cư	93%	62%	77%
5	Cho vay (triệu Đồng)	353,486	4,363,446	10,770,000
	Tỷ trọng dư nợ ngắn hạn	64%	38%	40%
	Tỷ lệ nợ xấu	1.04%	0.16%	1.00%
6	Tỷ trọng cho vay/huy động	64.29%	70.97%	79.78%
7	Tỷ trọng góp vốn/vốn điều lệ	19.72%	45.84%	35.00%
8	Lợi nhuận trước thuế	28,651	103,036	219,188
9	ROA	2.54%	1.04%	1.08%
10	ROE	5.73%	20.61%	20.63%

2007

1. Tổng tài sản.

Tổng tài sản theo kế hoạch của Ngân hàng đến cuối năm 2008 đạt 20.000.000 triệu Đồng, tăng gấp 02 lần so với năm 2007, trong đó tài sản có sinh lời trên tổng tài sản đạt tỷ trọng tối thiểu 85%.

2. Huy động vốn.

Nguồn vốn huy động từ dân cư và tổ chức kinh tế đến cuối năm 2008 ước đạt 17.500.000 triệu Đồng, tăng gấp 3 lần so với năm 2007. Nguồn vốn huy động từ các tổ chức tín dụng sẽ được duy trì ở mức độ hợp lý nhằm đảm bảo khả năng thanh khoản cũng như bù đắp thiếu hụt nguồn vốn huy động từ tổ chức kinh tế và dân cư.

Cơ cấu huy động vốn.

Đơn vị tính: triệu Đồng

STT	Tiêu chí	Số dư	Tỷ trọng
Theo thành phần kinh tế		17.500.000	100.00%
1	Dân cư	9.450.000	54.00%
2	Tổ chức kinh tế	4.050.000	23.14%
3	Tổ chức tín dụng	4.000.000	22.86%
Theo thời hạn		17.500.000	100.00%
1	Ngắn hạn	12.250.000	70.00%
2	Trung dài hạn	5.250.000	30.00%

3. Vốn điều lệ.

Vốn điều lệ theo kế hoạch đến cuối năm 2008 sẽ đạt 2.000.000 triệu Đồng, tăng gấp 2 lần so với đầu năm.

Kế hoạch tăng vốn điều lệ được chia làm nhiều đợt tùy theo quy mô tổng tài sản và tình hình hoạt động thực tế của Ngân hàng.

4. Cho vay.

Dư nợ tín dụng của Ngân hàng dự kiến đến 31/12/2008 đạt gần 11.000.000 triệu Đồng, tăng gấp 2,5 lần so với năm 2007.

Cơ cấu dư nợ tín dụng.

Đơn vị tính: triệu Đồng

STT	Tiêu chí	Số dư	Tỷ trọng
Theo thành phần kinh tế		10.770.000	100.00%
1	Dân cư	5.385.000	50.00%
2	Tổ chức kinh tế	5.385.000	50.00%
3	Tổ chức tín dụng	-	-
Theo thời hạn		10.770.000	100.00%
1	Ngắn hạn	4.308.000	40.00%
2	Trung dài hạn	6.462.000	60.00%

5. Đầu tư góp vốn, liên doanh, mua cổ phần.

Đầu tư, góp vốn, liên doanh dài hạn: Ngân hàng sẽ dùng khoảng 30% - 40% (trong tỷ lệ cho phép) vốn tự có để tham gia liên doanh, góp vốn, đầu tư dài hạn.

Ngân hàng sẽ dùng khoảng 10% tổng tài sản (tương đương khoảng 2.000.000 triệu Đồng) để tham gia hoạt động đầu tư tài chính ngắn hạn.

6. Lợi nhuận và hiệu quả hoạt động.

Dự kiến lợi nhuận trước thuế năm 2008 đạt 220 tỷ Đồng, tăng gần 120 tỷ Đồng so với năm 2007. Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (vốn chủ sở hữu bình quân được xác định theo Quyết định số 06/2008/QĐ-NHNN ngày 12/03/2008 của Ngân hàng Nhà nước) ước đạt 20%, tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản đạt 1.10%.

2007



HOẠT ĐỘNG MARKETING.

Phù hợp với chiến lược thâm nhập thị trường, chiến lược phát triển thị trường và chiến lược phát triển sản phẩm đã lựa chọn, hoạt động Marketing của Ngân hàng trong năm 2008 tập trung vào các nội dung chủ yếu như sau:

1. Sản phẩm.

Chiến lược phát triển sản phẩm được cụ thể hoá trong giai đoạn này bằng chính sách khác biệt hoá sản phẩm. Yếu tố công nghệ thông tin được xem là mũi nhọn mang tính quyết định để thực hiện chính sách khác biệt hoá sản phẩm. Với chính sách này, toàn bộ các thao tác nghiệp vụ đều được xử lý tự động, sản phẩm dịch vụ sẽ mang tính chính xác, bảo mật, an toàn cao đi kèm với tính thuận tiện, nhanh chóng trong quá trình giao dịch.

Kế hoạch nghiên cứu và triển khai một số sản phẩm trong năm 2008 bao gồm:

STT	Thời gian		Sản phẩm
	Nghiên cứu	Triển khai	
1	01/2008	04/2008	Internet Banking
2	01/2008	04/2008	Phone Banking
3	01/2008	10/2008	Dịch vụ đại lý thẻ quốc tế
4	02/2008	08/2008	Dịch vụ đại lý bảo hiểm
5	05/2008	10/2008	Tiết kiệm tích lũy lãi suất Tiết kiệm tích lũy giá trị Tiết kiệm tích lũy thời gian

2. Giá.

Đối với các sản phẩm truyền thống huy động và cho vay, chính sách giá Ngân hàng theo đuổi trong giai đoạn hiện tại là chính sách đeo bám thị trường, phản ứng nhanh và chính xác đối với các điều chỉnh về giá của các ngân hàng thương mại quy mô lớn, dẫn đầu thị trường. Tạm thời duy trì mức lãi suất huy động và lãi suất cho vay có tính cạnh tranh cao, đảm bảo thực hiện thành công mục tiêu tăng trưởng trong giai đoạn hiện tại.

Đối với các sản phẩm dịch vụ mới, đặc biệt là đối với các sản phẩm dịch vụ ứng dụng công nghệ hiện đại, Ngân hàng áp dụng chính sách giá dựa trên chi phí thực tế để xác định giá bán cho các sản phẩm dịch vụ kết hợp với việc thiết kế các gói sản phẩm, các cặp sản phẩm bán chéo để định giá bán kèm, bán theo gói sản phẩm.

3. Mạng lưới.

Theo kế hoạch, mạng lưới hoạt động của Ngân hàng dự kiến đến cuối năm 2008 đạt 100 điểm, tăng 26 điểm giao dịch so với thời điểm đầu năm. Mạng lưới giao dịch bao gồm 01 Hội sở chính, 01 Sở Giao dịch, 08 Chi nhánh và 90 Phòng Giao dịch trải đều trên phạm vi cả nước. Các địa bàn dự kiến thành lập các điểm giao dịch mới bao gồm Vĩnh Phúc, Hà Tây, Hưng Yên, Hải Dương, Thái Bình, Nghệ An, Quảng Nam, Lâm Đồng, Gia Lai, Khánh Hòa, Bình Định, Đồng Tháp, TP. Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng,...

STT	Khoản mục	TH 2007	KH 2008			
			Quý 1	Quý 2	Quý 3	Quý 4
1	Hội sở chính	29	30	32	35	36
2	Sở Giao dịch				1	1
3	Chi nhánh Hà Nội	18	18	20	22	24
4	Chi nhánh Hải Phòng	6	7	7	8	8
5	Chi nhánh Đà Nẵng	7	7	7	8	8
6	Chi nhánh Cần Thơ	5	5	6	6	7
7	Chi nhánh Kiên Giang	9	9	9	10	10
8	Chi nhánh X			1	2	3
9	Chi nhánh Y				1	2
10	Chi nhánh Z					1
	TỔNG	74	76	82	93	100

Song song với việc phát triển hệ thống mạng lưới điểm giao dịch trên phạm vi cả nước, trong năm 2008, Ngân hàng sẽ tập trung củng cố và hoàn thiện các điểm giao dịch trước đây để nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động, đảm bảo các điểm giao dịch hoạt động có lãi.

Các kênh phân phối hiện đại khác như ATM, Mobile banking, Internet banking, Phone banking,... cũng sẽ được quan tâm đầu tư triển khai đúng mức. Dự kiến, trong Quý 2/2008, Ngân hàng sẽ kết nối thành công với hệ thống Smartlink để cùng sử dụng chung hệ thống ATM với Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam và một số ngân hàng thương mại khác.

2007

4. Chiêu thị.

Tập trung cải tiến giao diện lẫn nội dung kết hợp với việc ban hành quy trình quản lý trang thông tin ngân hàng, tăng cường các hoạt động quảng cáo ngoài trời, xây dựng hệ thống nhận diện thương hiệu qua đó màu sắc, hình ảnh trên các vật phẩm tiếp thị, các biểu mẫu giao dịch, thiết kế báo, ... được thể hiện nhất quán, tính cách thương hiệu NAVIBANK sẽ được thể hiện rõ nét đối với khách hàng.

Thiết kế các chương trình khuyến mại đa dạng, hấp dẫn, phù hợp với chiến lược và chính sách hoạt động kinh doanh của Ngân hàng trong từng thời kỳ.

Tiếp tục duy trì và hoàn thiện các chính sách dành cho thành viên Câu lạc bộ NAVIBANK. Xây dựng hệ thống thu thập ý kiến của khách hàng từ đó đưa ra giải pháp, chính sách chăm sóc khách hàng tốt hơn.

Phối hợp với trung tâm xúc tiến thương mại tổ chức các buổi hội thảo với quy mô toàn quốc.





CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC.

1. Công tác quản trị điều hành.

Định hướng chiến lược kinh doanh dài hạn và xây dựng kế hoạch 05 năm phù hợp với định hướng chiến lược kinh doanh đã lựa chọn. Trên cơ sở chiến lược kinh doanh đã xác định, tập trung xây dựng các chiến lược kinh doanh bộ phận như chiến lược tài chính, chiến lược nhân sự, chiến lược Marketing...

Xây dựng văn hoá doanh nghiệp.

Xây dựng hệ thống chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh cấp Hội sở chính/Chi nhánh/Trung tâm, cấp Phòng và cấp nhân viên. Thông qua các hệ thống chỉ tiêu này, quy chế tiền lương được điều chỉnh theo hướng đảm bảo đánh giá công bằng và chính xác sự đóng góp của từng mỗi đơn vị, cá nhân vào kết quả hoạt động kinh doanh chung của toàn hệ thống.

Bổ sung, hoàn thiện hệ thống quy trình, quy chế liên quan đến tất cả các mảng hoạt động Ngân hàng. Xây dựng và ban hành danh mục đầu tư nhằm tối thiểu hoá rủi ro cho hoạt động cho vay, đầu tư của Ngân hàng.

Xây dựng chính sách đào tạo theo hướng kích thích người lao động đầu tư nghiên cứu, tự học tập để nâng cao trình độ chuyên môn kết hợp với việc hoàn thiện nội dung chương trình đào tạo nội bộ ứng với mỗi chức danh, công việc trong Ngân hàng.

2. Công tác xã hội và hoạt động đoàn thể.

Tiếp tục tham gia các chương trình từ thiện do các ban ngành phát động.

Xây dựng tổ chức công đoàn vững mạnh nhằm làm chỗ dựa vững chắc bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho người lao động.

Với những thành quả bước đầu đáng khích lệ gặt hái được trong năm 2007. Năm 2008 được Ngân hàng nhìn nhận là khoảng thời gian cần thiết để hoàn thiện và củng cố những thành quả đã gặt hái được trong năm 2007 nhằm đảm bảo sự ổn định và bền vững cho quá trình tăng trưởng và phát triển trong tương lai. Với mục tiêu đó, Ngân hàng sẽ tiếp tục chuẩn hóa các quy trình, quy chế hoạt động; hoàn thiện danh mục sản phẩm theo hướng tăng cường tính khác biệt; áp dụng chính sách giá linh hoạt và khép kín nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh cho Ngân hàng cũng như tối đa hoá lợi nhuận cho các cổ đông.

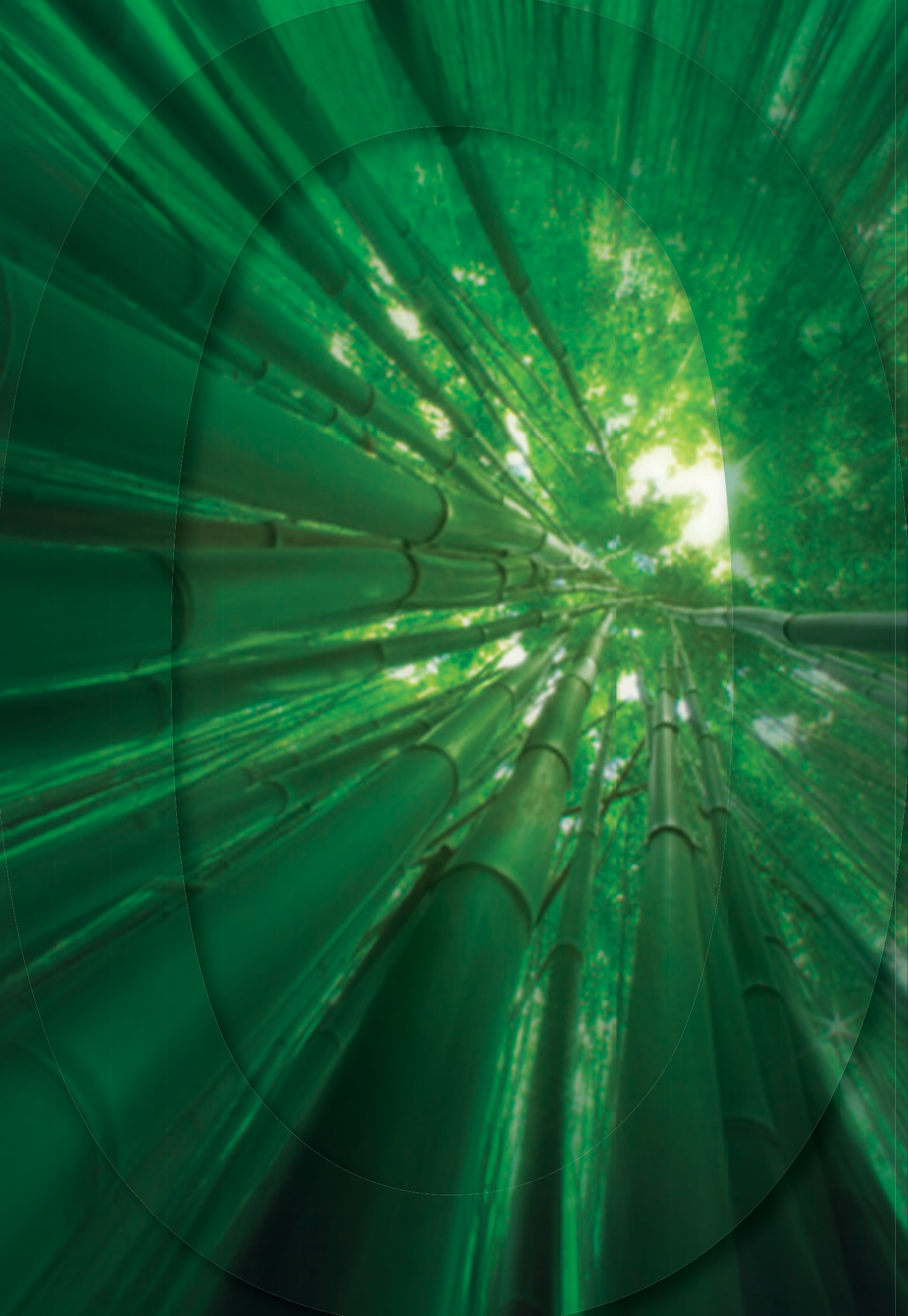
Với tiềm lực tài chính vững mạnh của các cổ đông chiến lược, với trí tuệ và quyết tâm của toàn thể cán bộ nhân viên, Ngân hàng Nam Việt hoàn toàn tự tin có thể vượt qua được những thách thức do môi trường kinh doanh đem lại cũng như khắc phục những hạn chế nội tại để xuất sắc hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm tài chính 2008 đã đặt ra.



Tổng Giám đốc

LÊ QUANG TRÍ

2007



**BÁO CÁO KIỂM TOÁN CỦA
NGÂN HÀNG TMCP NAM VIỆT**



ĐỀ TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc trân trọng đề trình bản báo cáo này cùng các báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng TMCP Nam Việt và các Công ty trực thuộc (dưới đây gọi chung là Ngân hàng) đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán và Dịch vụ Tin học (AISC) cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 như sau:

I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG.

Hội đồng Quản trị.

Chủ tịch	:	Ông Nguyễn Vinh Thọ
Thành viên thường trực	:	Ông Đặng Thành Tâm
Thành viên	:	Ông Lê Quang Trí
Thành viên	:	Ông Vũ Đức Giang
Thành viên	:	Ông Nguyễn Quốc Khánh
Thành viên	:	Bà Nguyễn Xuân Hưng
Thành viên	:	Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Ban Kiểm soát.

Trưởng ban	:	Ông Trần Quang Sơn
Thành viên	:	Bà Ngô Thị Phương Thủy
Thành viên	:	Bà Lê Thị Mỹ Hạnh
Thành viên	:	Bà Nguyễn Ngọc Cát Tường

Ban Tổng Giám đốc.

Tổng Giám đốc	:	Ông Lê Quang Trí
Phó Tổng Giám đốc	:	Ông Nguyễn Giang Nam
Phó Tổng Giám đốc	:	Ông Cao Kim Sơn Cương
Phó Tổng Giám đốc	:	Ông Lâm Trọng Hậu

Kế toán trưởng

Kế toán trưởng	:	Ông Huỳnh Vĩnh Phát
----------------	---	---------------------

II. CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH CỦA NGÂN HÀNG.

Khái quát về Ngân hàng.

Ngân hàng TMCP Nam Việt trước đây là Ngân hàng TMCP Nông thôn Sông Kiên – Ngân hàng cổ phần được thành lập theo Giấy phép số 0057/NH–GP ngày 18 tháng 9 năm 1995 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp và Giấy phép thành lập số 1217/GP–UB ngày 17 tháng 10 năm 1995 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Kiên Giang cấp. Ngân hàng hiện đang hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005193 của Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp (đăng ký lần đầu theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 050046 ngày 02 tháng 11 năm 1995 của Ủy ban kế hoạch tỉnh Kiên Giang).

Ngân hàng kiểm soát toàn bộ đối với Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản Nam Việt Ngân hàng. Công ty được thành lập theo Quyết định số 2406/QĐ–NHNN ngày 19 tháng 12 năm 2006 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104000321 ngày 28 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp với mức vốn điều lệ là 50.000.000.000VND (năm mươi tỷ Việt Nam Đồng). Hoạt động chủ yếu của Công ty: tiếp nhận, quản lý các khoản nợ tổn đọng của Ngân hàng TMCP Nam Việt, các tài sản đảm bảo nợ vay liên quan đến các khoản nợ để xử lý, thu hồi vốn.

Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản là Công ty trực thuộc do Ngân hàng sở hữu toàn bộ.

Vốn điều lệ của Ngân hàng: 500.000.000.000 VND (Năm trăm tỷ Việt Nam Đồng).

Trụ sở chính và các đơn vị trực thuộc Ngân hàng.

Trụ sở chính:

Địa chỉ : 39–41–43 Bến Chương Dương, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại : 84.8.8216216

Fax : 84.8.9142738

Mã số thuế : 1700 169 765

Các đơn vị trực thuộc của Ngân hàng.

Chi nhánh Kiên Giang : 123 Mạc Cửu, P. Vĩnh Thanh, TP. Rạch Giá, Kiên Giang.

Chi nhánh Cần Thơ : 318 Đường 30/4, P. Hưng Lợi, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ.

Chi nhánh Đà Nẵng : 441 Lê Duẩn, Quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng.

Chi nhánh Hà Nội : Số 40 Tổ 45 Đường Kim Liên mới, Ô chợ Dừa, Quận Đống Đa, Hà Nội.

Chi nhánh Hải Phòng : 18A Lạch Tray, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng.

Công ty trực thuộc : Công ty TNHH Quản lý Nợ và Khai thác tài sản Nam Việt Ngân hàng.

Hoạt động chính của Ngân hàng.

Huy động vốn, tiếp nhận vốn, ủy thác, vay vốn, cho vay, chiết khấu các thương phiếu, hùn vốn liên doanh, dịch vụ thanh toán và các nghiệp vụ ngân hàng khác được phép thực hiện.

2007

III. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NIÊN ĐỘ 2007.

Ban Tổng Giám đốc nhất trí với các số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán và Dịch vụ Tin học (AISC)

Lãi (lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp: 74.733.459.801VND

Trong suốt niên độ kế toán, Ban Tổng Giám đốc nhận thấy không có bất kỳ khoản mục hay sự kiện bất thường nào có thể ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

IV. KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP.

Công ty Kiểm toán và Dịch vụ Tin học (AISC) được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Ngân hàng.

V. TUYÊN BỐ.

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, chúng tôi nhận thấy rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực, hợp lý về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Ngân hàng cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007.

Báo cáo tài chính của Ngân hàng được lập phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hiện hành.

Ngày 28 tháng 02 năm 2008

Ông Giám đốc



The image shows a red circular official stamp of the Nam Viet Joint Stock Commercial Bank. The text inside the stamp includes 'SĐKKD: 4103005193', 'NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NAM VIỆT', and 'QUẬN 1 TP. HỒ CHÍ MINH'. A black ink signature is written across the stamp.

Lê Quang Trí



BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NIÊN ĐỘ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2007

Kính gửi: Hội đồng Quản trị
Ban Tổng Giám đốc
Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Nam Việt

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất từ trang 05 đến trang 28 của Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Nam Việt, dưới đây gọi là Ngân hàng, gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh báo cáo tài chính cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng và trách nhiệm của kiểm toán viên.

Số dư đầu kỳ (01/01/2007) được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C).

Việc soạn thảo các báo cáo tài chính này thuộc về trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng. Trách nhiệm của kiểm toán viên là căn cứ vào việc kiểm toán, để hình thành một ý kiến độc lập về các báo cáo tài chính này.

Cơ sở, phạm vi và căn cứ thực hiện kiểm toán.

Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và những chuẩn mực kiểm toán quốc tế được Nhà nước Việt Nam thừa nhận. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu.

Trên căn bản áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu, cuộc kiểm toán bao gồm việc xem xét các chứng cứ liên quan đến số liệu và công bố trên báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá về những ước lượng và những ý kiến quan trọng đã được thể hiện bởi Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng cũng như việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính.

Chúng tôi đã lập kế hoạch và hoàn thành cuộc kiểm toán để đạt được tất cả các thông tin và các giải trình cần thiết. Chúng tôi tin rằng việc kiểm toán đã cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên.

Theo quan điểm của chúng tôi, xét trên mọi phương diện trọng yếu, các báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Ngân hàng vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Ngân hàng cho niên độ kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2008

Kiểm toán viên



Phạm Văn Vinh

Chứng chỉ KTV số: Đ0112/KT
Do Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

Giám đốc



Nguyễn Hữu Trì

Chứng chỉ KTV số: 0476/KTV
Do Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

2007



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NAM VIỆT BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT. Ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính: VND

A. Tài sản	Thuyết minh	31/12/2007	01/01/2007
I. Tiền mặt, vàng bạc, đá quý.	V.1	78,541,939,762	23,115,175,198
II. Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước.	V.2	811,471,144,544	11,151,474,378
III. Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác và cho vay các TCTD khác.	V.3	4,079,134,807,194	409,162,572,746
1. Tiền vàng gửi tại các TCTD khác.		4,079,134,807,194	409,162,572,746
IV. Chứng khoán kinh doanh.		-	-
V. Các công cụ tài chính phải tính và các tài sản tài chính khác.		-	-
VI. Cho vay khách hàng.		4,357,351,033,662	353,485,770,300
1. Cho vay khách hàng.	V.4	4,363,446,419,474	354,254,521,328
2. Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng.	V.5	(6,095,385,812)	(768,751,028)
VII. Chứng khoán đầu tư.		-	-
VIII. Góp vốn đầu tư dài hạn.	V.6	182,210,601,900	97,964,203,800
1. Đầu tư dài hạn khác.		182,210,601,900	97,964,203,800
2. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn.		-	-
IX. Tài sản cố định.		59,736,972,182	19,295,629,521
1. Tài sản cố định hữu hình.	V.7	46,547,637,454	18,485,297,970
- Nguyên giá TSCĐ.		54,342,632,865	20,039,184,795
- Hao mòn TSCĐ.		(7,794,995,411)	(1,553,886,825)
2. Tài chính cố định thuê tài chính.		-	-
3. Tài chính cố định vô hình.	V.8	13,189,334,728	810,331,551
- Nguyên giá TSCĐ.		14,257,467,791	831,654,000
- Hao mòn TSCĐ.		(1,068,133,063)	(21,322,449)
X. Bất động sản đầu tư.		-	-
XI. Tài sản Có khác.	V.9	334,627,566,763	212,369,685,734
1. Các khoản phải thu.		236,462,685,723	204,318,592,956
2. Các khoản lãi phí phải thu.		74,583,561,530	2,512,721,978
3. Tài sản thuế TNDN hoãn lại.		-	-
4. Tài sản Có khác.		23,581,319,510	5,538,370,800
- Trong đó: Lợi thuế thương mại.		-	-
5. Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác.		-	-
Tổng cộng tài sản Có		9,903,074,066,007	1,126,544,511,677

B. Nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	Thuyết minh	31/12/2007	01/01/2007
I. Các khoản nợ Chính phủ và NHNN		-	-
II. Tiền gửi và vay các TCTD khác	V.10	2,885,557,411,410	40,175,056,196
1. Tiền gửi của TCTD khác	V.10.1	2,885,557,411,410	175,056,196
2. Vay các TCTD khác	V.10.2	-	40,000,000,000
III. Tiền gửi của khách hàng	V.11	6,140,134,941,232	549,843,470,763
IV. Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác		-	-
V. Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro		-	-
VI. Phát hành giấy tờ có giá		16,100,000	-
VII. Các khoản nợ khác	V.12	298,337,291,110	15,390,938,713
1. Các khoản lãi, phí phải trả		118,228,347,449	5,627,720,778
2. Thuế TNDN hoãn lại phải trả		-	-
3. Các khoản phải trả và công nợ khác		180,108,943,661	9,763,217,935
4. Dự phòng rủi ro khác (Dự phòng cho công nợ tiềm ẩn và cam kết ngoại bảng)		-	-
VIII. Vốn và các quỹ	V.13	579,028,322,255	521,135,046,005
1. Vốn của TCTD		500,000,000,000	500,000,000,000
- Vốn điều lệ		500,000,000,000	500,000,000,000
2. Quỹ của TCTD		4,294,862,454	308,702,849
3. Lợi nhuận chưa phân phối/ Lỗ lũy kế		74,733,459,801	20,826,343,156
IX. Lợi ích của cổ đông thiểu số		-	-
Tổng Nợ phải trả và Vốn Chủ sở hữu		9,903,074,066,007	1,126,544,511,677

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Ghi chú	31/12/2007	01/01/2007
I. Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn		78,317,614,592	2,544,319,829
1. Bảo lãnh vay vốn		70,000,000,000	-
2. Cam kết trong nghiệp vụ L/C		-	-
3. Bảo lãnh khác		8,317,614,592	2,544,319,829

Ngày 25 tháng 01 năm 2008

Kế Toán Trưởng

h

Huỳnh Vĩnh Phát

Tổng Giám Đốc



Lê Quang Trí

2007



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NAM VIỆT BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2007	Năm 2006
1. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	VI.14	373,239,592,393	41,863,002,996
2. Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự	VI.15	297,467,176,953	12,386,788,066
I. Thu nhập lãi thuần		75,772,415,440	29,476,214,930
3. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	VI.16	107,792,311,716	21,398,860,492
4. Chi phí hoạt động dịch vụ	VI.16	4,529,778,343	448,555,863
II. Lãi / lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ		103,262,533,373	20,950,304,629
III. Lãi / lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	VI.17	280,094,351	12,487,408
IV. Lãi / lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh		-	-
V. Lãi / lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư		-	-
5. Thu nhập từ hoạt động khác		33,692,247,425	1,435,154,252
6. Chi phí hoạt động khác		2,281,488,831	29,935,321
VI. Lãi / lỗ thuần từ hoạt động khác	VI.19	31,410,758,594	1,405,218,931
VII. Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	VI.18	3,600,858,700	705,702,778
VIII. Chi phí hoạt động	VI.20	105,562,624,775	23,472,774,411
IX. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		108,764,035,683	29,077,154,265
X. Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	VI.20	5,326,649,784	426,117,628
XI. Tổng lợi nhuận trước thuế		103,437,385,899	28,651,036,637
7. Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.21	28,703,926,098	7,824,693,481
8. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
XII. Chi phí thuế TNDN		28,703,926,098	7,824,693,481
XIII. Lợi nhuận sau thuế		74,733,459,801	20,826,343,156
XIV. Lợi ích của cổ đông thiểu số		-	-
XV. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		1,495	417

Ngày 25 tháng 01 năm 2008

Kế Toán Trưởng

Huỳnh Vĩnh Phát

Tổng Giám Đốc



Lê Quang Trí



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NAM VIỆT BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2007	Năm 2006
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế		103,437,385,899	28,651,036,637
Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ, bất động sản đầu tư		7,298,223,205	910,989,324
- Dự phòng rủi ro tín dụng, giảm giá, đầu tư tăng thêm/(hoàn nhập) trong năm		5,326,649,784	279,627,328
- Lãi và phí phải thu trong kỳ (thực tế chưa thu)		(72,070,839,552)	(787,282,728)
- Lãi và phí phải trả trong kỳ (thực tế chưa trả)		112,600,626,671	4,786,951,074
- (Lãi) / lỗ do thanh lý TSCĐ		(728)	39,262,688
- (Lãi) / lỗ do bán, thanh lý bất động sản đầu tư		-	-
- (Lãi) / lỗ do thanh lý những khoản đầu tư, góp vốn dài hạn vào đơn vị khác, lãi, cổ tức nhận được, lợi nhuận được chia từ hoạt động đầu tư, góp vốn dài hạn		(1,811,385,600)	(22,638,890,578)
- CLTG hối đoái chưa thực hiện		-	-
- Các điều chỉnh khác		(355,103,958)	-
Những thay đổi về tài sản và công nợ hoạt động		-	-
Những thay đổi về tài sản hoạt động		-	-
- (Tăng) / giảm các khoản tiền, vàng gửi và cho vay các TCTD khác		(30,000,000,000)	60,000,000,000
- (Tăng) / giảm các khoản về kinh doanh chứng khoán		-	-
- (Tăng) / giảm các công cụ tài chính phát sinh và các tài sản tài chính khác		-	-
- (Tăng) / giảm các khoản cho vay khách hàng		(4,009,191,898,146)	(290,662,722,328)
- (Tăng) / giảm lãi phí phải thu		-	-
- Tăng / (giảm) nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản		(15,000)	-
- (Tăng) / giảm khác về tài sản hoạt động		(50,213,286,361)	(177,705,577,595)

2007

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2007	Năm 2006
Những thay đổi về công nợ hoạt động		-	-
- Tăng / (giảm) các khoản nợ chính phủ và NHNN		-	-
- Tăng / (giảm) tiền gửi và vay các TCTD		2,845,523,681,112	(233,056,319)
- Tăng / (giảm) tiền gửi của khách hàng (bao gồm cả kho bạc Nhà nước)		5,590,150,144,571	509,835,959,832
- Tăng / (giảm) các công cụ TC, phái sinh và các khoản nợ tài chính khác		-	-
- Tăng / (giảm) vốn tài trợ ủy thác đầu tư cho vay mà TCTD phải chịu rủi ro		-	-
- Tăng / (giảm) phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ GTCG được tính vào hoạt động tài chính)		-	-
- Tăng / (giảm) lãi phí phải trả		-	-
- Tăng / (giảm) khác về các khoản công nợ hoạt động		164,100,276,802	2,109,322,459
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước		4,664,794,458,699	114,585,619,794
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(22,024,694,583)	(931,421,801)
- Chi từ các quỹ của TCTD		(4,157,092,997)	(636,046,800)
I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		4,638,612,671,119	113,018,151,193
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
- Mua sắm TSCĐ		(47,565,213,582)	(17,130,670,004)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		5,630,000	-
- Tiền chi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		(5,629,272)	-
- Mua sắm bất động sản đầu tư		-	-
- Tiền thu từ bán, thanh lý bất động sản đầu tư		-	-
- Tiền chi ra do bán, thanh lý bất động sản đầu tư		-	-
- Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác (chi đầu tư mua công ty con, góp vốn liên doanh, liên kết, và các khoản đầu tư dài khác)		(133,495,000,000)	(105,784,242,100)
- Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác (thu bán, thanh lý công ty con, góp vốn liên doanh, liên kết, và các khoản đầu tư dài khác)		49,248,601,900	27,876,342,978
- Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn		1,811,385,600	21,933,187,800

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2007	Năm 2006
II. Lưu chuyển từ hoạt động đầu tư		(130,000,225,354)	(73,105,381,326)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		-	-
- Tăng vốn cổ phần từ góp vốn và / hoặc phát hành cổ phiếu		-	400,000,000,000
- Tiền thu từ phát hành giấy tờ có giá dài hạn đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác		-	-
- Tiền chi thanh toán giấy tờ có giá dài hạn đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác		-	-
- Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia		(12,893,776,587)	(1,390,281,500)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		(12,893,776,587)	398,609,718,500
IV. Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		4,495,718,669,178	438,522,488,367
V. Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm đầu kỳ		443,429,222,322	4,906,733,955
VI. Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá		-	-
VII. Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm cuối kỳ	VII.22	4,939,147,891,500	443,429,222,322

Ngày 25 tháng 01 năm 2008

Kế Toán Trưởng



Huỳnh Vinh Phát



Tổng Giám Đốc

Lê Quang Trí

2007



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NAM VIỆT THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính: VND

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG

Sự thành lập, hoạt động và thời hạn có giá trị:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Việt trước đây có tên gọi là Ngân hàng TMCPNT Sông Kiên, là Ngân hàng cổ phần được thành lập theo giấy phép số 0057/NH-GP ngày 18 tháng 9 năm 1995 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp và Giấy phép thành lập số 1217/GP-UB ngày 17 tháng 10 năm 1995 do Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang cấp. Ngân hàng hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005193 của Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (đăng ký lần đầu theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 050046 ngày 02 tháng 11 năm 1995 của Ủy ban kế hoạch tỉnh Kiên Giang).

Thời gian hoạt động:

Thời gian hoạt động của Ngân hàng là 50 năm.

Hoạt động của ngân hàng:

- Huy động vốn ngắn hạn, trung hạn, dài hạn dưới các hình thức có kỳ hạn, không kỳ hạn.
- Tiếp nhận vốn đầu tư và phát triển.
- Vay vốn của các tổ chức tín dụng khác.
- Cho vay ngắn hạn, trung hạn, dài hạn.
- Chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá
- Hùn vốn và liên doanh.
- Làm dịch vụ thanh toán giữa các khách hàng.
- Thực hiện kinh doanh ngoại tệ, vàng bạc và thanh toán quốc tế, huy động vốn từ nước ngoài.
- Các dịch vụ ngân hàng khác.

Hình thức sở hữu vốn:

Vốn cổ phần

Trụ sở chính:

Số 39-41-43 Bến Chương Dương, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

Số chi nhánh: 5

Số công ty trực thuộc: 1

Công ty trực thuộc: Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác Tài sản Nam Việt Ngân hàng, được thành lập theo Quyết định số 2406/QĐ-NHNN ngày 19/12/2006 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104000321 ngày 28/12/2006 do Sở kế hoạch và Đầu tư cấp với tỷ lệ góp vốn là 100%.

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty: tiếp nhận, quản lý các khoản nợ tồn đọng của Ngân hàng TMCP Nam Việt và tài sản đảm bảo nợ vay liên quan đến các khoản nợ để xử lý, thu hồi vốn nhanh nhất.

Tổng số cán bộ công nhân viên: 862 nhân viên

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán:

Niên độ kế toán của Ngân hàng và Công ty trực thuộc bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Đồng Việt Nam được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng:

Ngân hàng áp dụng hệ thống chế độ kế toán Ngân hàng Việt Nam ban hành theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN, Quyết định 807/2005/QĐ-NHNN ngày 01/6/2005, Quyết định 29/2006/QĐ-NHNN ngày 10/7/2006. và chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng theo quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN, ngày 18 tháng 4 năm 2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

2007

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán theo quy định của Nhà nước về chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong Bản Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu qui định tại Chuẩn mực số 21 - Trình bày Báo Cáo Tài Chính và Chuẩn mực số 25 - Báo cáo tài chính hợp nhất và Kế toán khoản đầu tư vào công ty trực thuộc.

Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính, tình hình và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. Để đảm bảo yêu cầu trung thực và hợp lý, các báo cáo tài chính đã lập và trình bày trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chung

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chuyển đổi tiền tệ:

Nghiệp vụ phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ chủ yếu là Dollar Mỹ (USD) được quy đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng vào thời điểm cuối tháng, cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá của các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ và đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được đưa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tỷ giá quy đổi tại ngày 31/12/2007 :

16.114VND/USD	140.93VND/JPY
16.124VND/CAD	13.895VND/AUD
23.301VND/EUR	10.905VND/SGD

Nguyên tắc thực hiện hợp nhất báo cáo tài chính:

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo của Ngân hàng (công ty mẹ) và các công ty trực thuộc theo quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 - Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty trực thuộc. Vốn chủ sở hữu và lợi nhuận thuần được phân phối cho các chủ sở hữu không có quyền kiểm soát, được thể hiện riêng biệt trên bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các báo cáo được lập trên cơ sở dồn tích. Các chính sách kế toán của Ngân hàng và Công ty trực thuộc áp dụng nhất quán và phù hợp với các chính sách kế toán đã được sử dụng trong các năm trước.

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất bao gồm cả kết quả hoạt động của Công ty trực thuộc.

Toàn bộ các tài khoản và các nghiệp vụ giao dịch trong nội bộ tập đoàn đã được loại trừ.

Nguyên tắc ghi nhận thu nhập lãi, chi phí lãi và ngừng dự thu lãi:

Các khoản thu nhập từ lãi cho vay, tiền gửi và đầu tư được ghi nhận trên cơ sở dự thu. Đối với hoạt động tín dụng, dự thu áp dụng cho các khoản nợ xác định là có khả năng thu hồi cả gốc, lãi đúng hạn và không phải trích lập dự phòng rủi ro cụ thể theo quy định. Đến kỳ hạn trả nợ, khách hàng không trả được nợ đúng hạn thì hạch toán vào chi phí hoạt động kinh doanh và theo dõi ngoại bảng, khi thu được thì hạch toán vào thu hoạt động kinh doanh.

Các khoản chi phí lãi vay, tiền gửi được hạch toán trên cơ sở dự chi.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản thu từ phí và hoa hồng:

Được ghi nhận khi phát sinh thực tế

Nguyên tắc ghi nhận đối với các khoản cho vay khách hàng:

- Nguyên tắc ghi nhận khoản vay

Các khoản cho vay được ghi nhận theo giá gốc

- Phân loại nợ, đánh giá rủi ro tín dụng, cơ sở trích lập dự phòng rủi ro tín dụng và xóa sổ các khoản cho vay không có khả năng thu hồi

Ngân hàng áp dụng việc phân loại nợ, trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và xử lý rủi ro theo các hướng dẫn tại quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22/4/2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN ngày 25/4/2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quyết định trên. Các khoản nợ được phân loại chủ yếu theo thời hạn nợ của khách hàng và dự phòng được trích lập theo tỷ lệ quy định tại Quyết định trên.

Kế toán các khoản đầu tư tài chính:

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư khác: Các khoản đầu tư khác được thể hiện theo nguyên giá, bao gồm giá mua cộng các chi phí mua phát sinh liên quan.

- Phương pháp lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư: dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban Tổng Giám đốc cho rằng việc giảm giá này không mang tính tạm thời.

2007

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ và khấu hao TSCĐ:

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ khấu hao tích lũy.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và các chi phí có liên quan trực tiếp để đưa tài sản vào hoạt động theo dự tính sử dụng.

Phương pháp khấu hao áp dụng và các trường hợp khấu hao đặc biệt: Phương pháp đường thẳng, dựa vào thời gian hữu dụng ước tính của tài sản trong phạm vi quyết định 206/2003/QĐ/BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ Tài Chính. Thời gian sử dụng bình quân ước tính cho các nhóm tài sản như sau:

Loại tài sản	Số năm sử dụng
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 40
Máy móc, thiết bị văn phòng	3 - 5
Phương tiện vận tải	8
Phần mềm kế toán	5
TSCĐ khác	5

Tiền và các khoản tương đương tiền:

Bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước cộng thêm tín phiếu chính phủ và các giấy tờ có giá ngắn hạn khác đủ điều kiện tái chiết khấu Ngân hàng Nhà nước, chứng khoán có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác không kỳ hạn và đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày gửi.

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền: các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Thuế thu nhập doanh nghiệp:

Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp trên lợi nhuận thu được (không kể lãi cổ tức được chia và lãi trái phiếu, công trái) là 28%

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền mặt tại quỹ, vàng bạc, đá quý	31/12/2007	01/01/2007
Tiền mặt bằng VND	69,393,910,400	21,561,477,838
Tiền mặt bằng ngoại tệ	9,131,929,362	1,553,697,360
Kim loại quý, đá quý khác	16,100,000	-
Tổng cộng	78,541,939,762	23,115,175,198

2. Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	31/12/2007	01/01/2007
Tiền gửi thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước	811,471,144,544	11,151,474,378
Tổng cộng	811,471,144,544	11,151,474,378

3. Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác	31/12/2007	01/01/2007
Tiền, vàng gửi không kỳ hạn	283,445,607,194	159,162,572,746
- Bằng VND	228,664,409,067	132,873,139,136
- Bằng ngoại tệ, vàng	54,781,198,127	26,289,433,610
Tiền, vàng gửi có kỳ hạn	3,795,689,200,000	250,000,000,000
- Bằng VND	3,670,000,000,000	250,000,000,000
- Bằng ngoại tệ, vàng	125,689,200,000	-
Tổng cộng	4,079,134,807,19	409,162,572,746

4. Cho vay khách hàng	31/12/2007	01/01/2007
Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước	4,363,446,419,474	354,254,521,328
Tổng cộng	4,363,446,419,474	354,254,521,328

Phân tích chất lượng nợ cho vay	31/12/2007	01/01/2007
Nợ đủ tiêu chuẩn	4,348,640,781,744	348,585,201,828
Nợ cần chú ý	7,703,682,068	1,977,751,000
Nợ dưới tiêu chuẩn	1,468,163,409	657,279,000
Nợ nghi ngờ	1,782,916,115	1,733,943,500
Nợ có khả năng mất vốn	3,850,876,138	1,300,346,000
Tổng cộng	4,363,446,419,474	354,254,521,328

2007

<i>Phân tích dư nợ theo thời gian</i>	31/12/2007	01/01/2007
Nợ ngắn hạn	1,638,836,655,813	227,000,389,843
Nợ trung hạn	2,072,122,861,493	113,966,664,885
Nợ dài hạn	652,486,902,168	13,287,466,600
Tổng cộng	4,363,446,419,474	354,254,521,328

Phân tích dư nợ cho vay theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp

	31/12/2007	01/01/2007
Cho vay các tổ chức kinh tế	1,900,679,790,419	165,908,072,837
Cho vay cá nhân	2,462,766,629,055	188,346,448,491
Cho vay khác	-	-
Tổng cộng	4,363,446,419,474	354,254,521,328

5. Đối với sự thay đổi (tăng/giảm) của Dự phòng rủi ro tín dụng

	<i>Dự phòng chung</i>	<i>Dự phòng cụ thể</i>
<i>Kỳ này</i>		
Số dư đầu kỳ	217,502,028	551,249,000
Dự phòng rủi ro trích lập trong kỳ	3,543,206,391	2,548,065,437
Dự phòng giảm do hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(358,080,144)	(406,556,900)
Số dư cuối kỳ	3,402,628,275	2,692,757,537
<i>Kỳ trước</i>		
Số dư đầu kỳ	300,192,900	48,930,800
Dự phòng rủi ro trích lập trong kỳ	156,220,728	570,578,700
Dự phòng giảm do xử lý các khoản nợ khó thu hồi bằng nguồn dự phòng	0	(45,966,000)
Dự phòng giảm do hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(238,911,600)	(22,294,500)
Số dư cuối kỳ	217,502,028	551,249,000

6. Góp vốn, đầu tư dài hạn

<i>Phân tích giá trị đầu tư theo loại hình đầu tư</i>	31/12/2007	01/01/2007
Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh	-	-
Các khoản đầu tư vào công ty liên kết	-	-
Các khoản đầu tư dài hạn khác	182,210,601,900	97,964,203,800
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-	-
Tổng cộng	182,210,601,900	97,964,203,800

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm	Kỳ này	Kỳ trước
Ngân hàng TMCP Miền Tây	40,837,000,000	3,217,000,000
Công ty CP Khu CN Sài Gòn - Cần Thơ	9,000,000,000	9,000,000,000
Công ty CP PTĐT Sài Gòn Tây Bắc	15,000,000,000	15,000,000,000
Công ty CP Khu CN Sài Gòn - Nhơn Hội	11,000,000,000	11,000,000,000
Công ty TNHH TM Quả Cầu Vàng	18,373,601,900	36,747,203,800
Công ty CP Đầu tư Việt Sô	8,000,000,000	4,000,000,000
Công ty CP Bảo hiểm Bảo Tín	8,000,000,000	8,000,000,000
Công ty CP Khu CN Sài Gòn - Hải Phòng	11,000,000,000	11,000,000,000
Công ty CP Du lịch Sài Gòn - Qui Nhơn	5,000,000,000	-
Công ty CP ĐT&PTHT Khu công nghệ cao Sài Gòn	30,000,000,000	-
Công ty CP Đất Nam Việt	11,000,000,000	-
Quỹ Chứng khoán Y tế Bản Việt	15,000,000,000	-
Tổng cộng	182,210,601,900	97,964,203,800

7. Tài sản cố định hữu hình:

7.1. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình kỳ này:

Đơn vị tính: triệu Đồng

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
Số dư đầu kỳ	1,530	8,970	5,485	3,897	157	20,039
- Mua trong kỳ	350	7,880	7,667	18,714	1,010	35,621
- Giảm khác	8	75	1,058	177	-	1,318
Số dư cuối kỳ	1,872	16,775	12,094	22,434	1,167	54,343
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	424	355	319	452	4	1,554
- Khấu hao trong kỳ	236	2,958	967	2,022	1,014	7,197
- Giảm khác	1	11	72	0.5	872	956
Số dư cuối kỳ	659	3,302	1,214	2473.5	146	7,795
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình						
- Tại ngày đầu kỳ	1,106	8,615	5,166	3,445	153	18,485
- Tại ngày cuối kỳ	1,213	13,473	10,880	19,960	1,021	46,548

2007

7.2. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình kỳ trước:

Đơn vị tính: triệu Đồng

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
Số dư đầu kỳ	1,365	-	978	1,343	57	3,743
- Mua trong kỳ	196	8,970	4.592	2,599	100	16,457
- Giảm khác	31	-	85	45	-	161
Số dư cuối kỳ	1,530	8,970	5.485	3,897	157	20,039
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	426	-	182	166	3	777
- Khấu hao trong kỳ	5	355	222	316	1	899
- Giảm khác	7	-	85	30	-	122
Số dư cuối kỳ	424	355	319	452	4	1,554
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình						
- Tại ngày đầu kỳ	939	-	796	1,177	54	2,966
- Tại ngày cuối kỳ	1,106	8,615	5.166	3,445	153	18,485

8. Tài sản cố định vô hình:

8.1. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình kỳ này:

Đơn vị tính: triệu Đồng

Khoản mục	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm máy vi tính	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình						
Số dư đầu kỳ	158	-	-	235	438	831
- Mua trong kỳ	1,784	-	-	12,067	13	13,864
- Giảm khác	-	-	-	-	438	438
Số dư cuối kỳ	1,942	-	-	12,302	13	14,257
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ		-	-	8	13	21
- Khấu hao trong kỳ	10	-	-	1,045	(5)	1,050
- Giảm khác	-	-	-	-	3	3
Số dư cuối kỳ	10	-	-	1,053	5	1,068
Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình						
- Tại ngày đầu kỳ	158	-	-	227	425	810
- Tại ngày cuối kỳ	1,932	-	-	11,249	8	13,190

8.2. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình kỳ trước:

Đơn vị tính: triệu Đồng

Khoản mục	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm máy vi tính	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình						
Số dư đầu kỳ	158	-	-	-	-	158
- Mua trong kỳ	-	-	-	235	438	673
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	158	-	-	235	438	831
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	-	-	-	-	10	10
- Khấu hao trong kỳ	-	-	-	8	3	11
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	-	-	8	13	21
Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình						
- Tại ngày đầu kỳ	158	-	-	-	(10)	148
- Tại ngày cuối kỳ	158	-	-	227	425	810

9. Tài sản cố khác	31/12/2007	01/01/2007
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	889,670,138	127,835,050,400
- Mua sắm TSCĐ	888,042,138	127,833,422,400
- Chi phí khác trong XDCB	1,628,000	1,628,000
Các khoản phải thu (*)	310,156,577,115	78,996,264,534
- Các khoản phải thu nội bộ	8,362,345,004	5,769,314,025
- Các khoản phải thu bên ngoài	301,794,232,111	73,226,950,509
Tài sản cố khác	23,581,319,510	5,538,370,800
Tổng cộng	334,627,566,763	212,369,685,734

(*) Không bao gồm tài sản thuế thu nhập hoãn lại và các khoản phải thu từ các giao dịch nội bộ

2007

10. Tiền, vàng gửi và vay các TCTD khác

<i>10.1. Tiền, vàng gửi của các TCTD khác</i>	31/12/2007	01/01/2007
Tiền vàng gửi không kỳ hạn	131,710,211,410	175,056,196
Bảng VND	131,694,090,481	175,056,196
Bảng vàng và ngoại tệ	16,120,929	-
Tiền vàng gửi có kỳ hạn	2,753,847,200,000	-
Bảng VND	2,676,500,000,000	-
Bảng vàng và ngoại tệ	77,347,200,000	-
Tổng cộng	2,885,557,411,410	175,056,196
<i>10.2. Vay các TCTD khác</i>	31/12/2007	01/01/2007
Bảng VND	-	40,000,000,000
Bảng vàng và ngoại tệ	-	-
Tổng cộng	0	40,000,000,000
Tổng tiền, vàng gửi và vay TCTD khác	2,885,557,411,410	40,175,056,196

11. Tiền gửi của khách hàng

<i>11.1.Thuyết minh theo loại tiền gửi</i>	31/12/2007	01/01/2007
Tiền gửi thanh toán không kỳ hạn	2,182,043,159,358	67,003,716,344
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	2,075,522,689,905	66,842,510,072
Tiền gửi không kỳ hạn bằng vàng, ngoại tệ	106,520,469,453	161,206,272
Tiền gửi thanh toán có kỳ hạn	3,739,705,484,675	437,024,534,998
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	3,643,548,817,098	436,100,337,598
Tiền gửi có kỳ hạn bằng vàng, ngoại tệ	96,156,667,577	924,197,400
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn	2,124,212,859	3,616,950,881
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	1,902,777,332	3,158,870,508
Tiền gửi không kỳ hạn bằng vàng, ngoại tệ	221,435,527	458,080,373
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn	186,439,583,330	41,515,170,618
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	1,688,075,751	20,088,880,473
Tiền gửi có kỳ hạn bằng vàng, ngoại tệ	184,751,507,579	21,426,290,145
Tiền gửi vốn chuyên dùng	-	-
Tiền gửi ký quỹ	29,822,501,010	683,097,922
Tiền gửi ký quỹ bằng VND	1,158,088,680	202,251,218
Tiền gửi ký quỹ bằng vàng, ngoại tệ	28,664,412,330	480,846,704
Tổng cộng	6,140,134,941,232	549,843,470,763

11.2. Thuyết minh theo đối tượng khách hàng	31/12/2007	01/01/2007
Tiền gửi của cá nhân	3,165,802,605,932	458,159,326,602
Tiền gửi của các đối tượng khác	2,974,332,335,300	91,684,144,161
Tổng cộng	6,140,134,941,232	549,843,470,763

12. Các khoản nợ khác	31/12/2007	01/01/2007
Các khoản phải trả nội bộ	93,676,769,619	1,535,519,358
Các khoản phải trả bên ngoài	204,660,521,491	13,855,419,355
Dự phòng rủi ro khác	-	-
Tổng cộng	298,337,291,110	15,390,938,713

13. Vốn và quỹ của Tổ chức tín dụng

13.1. Báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu:

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Vốn góp điều lệ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/lỗ lũy kế	Tổng cộng
Số dư đầu kỳ	500,000,000,000	115,600,522	55,008,981	136,861,320	1,232,026	20,826,343,156	521,135,046,005
Tăng trong kỳ	-	989,251,300	2,082,634,315	1,041,317,158	4,030,049,829	103,437,385,899	111,580,638,501
- Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
- Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	103,437,385,899	103,437,385,899
- Trích bổ sung các quỹ cho kỳ trước	-	989,251,300	2,082,634,315	1,041,317,158	3,103,356,000	-	7,216,558,773
- Tạm trích lập các quỹ cho kỳ này	-	-	-	-	926,693,829	-	926,693,829
- Chuyển từ quỹ dự trữ sang vốn	-	-	-	-	-	-	-
- Chuyển khoản thu sử dụng vốn sang quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	-	-	-	-	-	-	-
- Trích bổ sung quỹ lương theo kết quả hoạt động kinh doanh kỳ trước	-	-	-	-	-	-	-
- Bán cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-	-
- Các khoản tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	646,019,071	-	3,511,073,926	49,530,269,254	53,687,362,251
- Sử dụng trong kỳ	-	-	646,019,071	-	3,511,073,926	35,920,484,871	40,077,577,868
- Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-	-
- Chia cổ tức kỳ này	-	-	-	-	-	12,893,776,587	12,893,776,587
- Các khoản giảm khác	-	-	-	-	-	716,007,796	716,007,796
Số dư cuối kỳ	500,000,000,000	1,104,851,822	1,491,624,225	1,178,178,478	520,207,929	74,733,459,801	579,028,322,255

2007

13.2. Thu nhập trên một cổ phiếu	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận hoặc lỗ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	74,733,459,801	20,826,343,156
Số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản	50,000,000	50,000,000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1,495	417
Các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng xảy ra sau ngày kết thúc niên độ: không có.		

13.3. Chi tiết vốn đầu tư của TCTD

Kỳ trước	Tổng số	Vốn cổ phần thường	Vốn cổ phần ưu đãi
Vốn đầu tư của Nhà nước	-	-	-
Vốn góp (cổ đông, thành viên..)	500,000,000,000	500,000,000,000	-
Thặng dư vốn cổ phần	-	-	-
Cổ phiếu quỹ	-	-	-

Kỳ này	Tổng số	Vốn cổ phần thường	Vốn cổ phần ưu đãi
Vốn đầu tư của Nhà nước	-	-	-
Vốn góp (cổ đông, thành viên..)	500,000,000,000	500,000,000,000	-
Thặng dư vốn cổ phần	-	-	-
Cổ phiếu quỹ	-	-	-

13.4. Cổ phiếu	31/12/2007	01/01/2007
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	50,000,000	50,000,000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	50,000,000	50,000,000
- Cổ phiếu phổ thông	50,000,000	50,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	50,000,000	50,000,000
- Cổ phiếu phổ thông	50,000,000	50,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10,000	10,000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

14. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	Năm 2007	Năm 2006
Thu nhập lãi tiền gửi	101,421,760,645	2,638,921,707
Thu nhập lãi cho vay khách hàng	271,602,079,323	17,226,140,961
Thu lãi từ kinh doanh, đầu tư chứng khoán Nợ	-	-
Thu nhập lãi cho thuê tài chính	-	-
Thu khác từ hoạt động tín dụng	215,752,425	21,997,940,328
Tổng cộng	373,239,592,393	41,863,002,996

15. Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự	Năm 2007	Năm 2006
Trả lãi tiền gửi	297,159,176,953	11,919,654,733
Trả lãi tiền vay	308,000,000	467,133,333
Chi phí hoạt động khác	-	-
Tổng cộng	297,467,176,953	12,386,788,066

16. Lãi / lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ		
<i>16.1. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ</i>	Năm 2007	Năm 2006
Thu từ dịch vụ thanh toán	1,440,500,952	148,740,212
Thu từ nghiệp vụ bảo lãnh	247,620,095	41,041,283
Thu từ dịch vụ ngân quỹ	68,264,827	1,128,743
Thu từ nghiệp vụ ủy thác và đại lý	104,352,380,801	20,343,530,697
Thu khác	1,683,545,041	864,419,557
Tổng cộng	107,792,311,716	21,398,860,492

<i>16.2. Chi phí hoạt động dịch vụ</i>	Năm 2007	Năm 2006
Chi dịch vụ thanh toán	1,044,637,391	100,559,352
Cước phí bưu điện về mạng viễn thông	1,504,212,140	171,293,985
Chi về ngân quỹ	934,027,606	75,349,018
Chi về ủy thác và đại lý	151,161,316	24,658,508
Chi về dịch vụ tư vấn	424,464,060	-
Chi khác	471,275,830	76,695,000
Tổng cộng	4,529,778,343	448,555,863

<i>16.3. Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ</i>	103,262,533,373	20,950,304,629
--	------------------------	-----------------------

17. Lãi / lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	Năm 2007	Năm 2006
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	1,172,401,710	13,376,083
Thu từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay	383,628,084	13,376,083
Thu từ chênh lệch đánh giá lại ngoại tệ KD	788,773,626	-
Thu từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	-	-

2007

	Năm 2007	Năm 2006
Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối	892,307,359	888,675
Chi về kinh doanh ngoại tệ giao ngay	479,505,793	888,675
Chi về kinh doanh vàng	412,801,566	
Chi về các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ		
Lãi / lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ	280,094,351	12,487,408

18. Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	Năm 2007	Năm 2006
Cổ tức nhận được trong kỳ từ góp vốn, mua, cổ phần	2,725,858,700	705,702,778
Từ CKVốn kinh doanh	261,673,100	-
Từ CKVốn đầu tư	-	-
Từ góp vốn đầu tư dài hạn	2,464,185,600	705,702,778
Các khoản thu nhập khác	875,000,000	-
Tổng cộng	3,600,858,700	705,702,778

19. Lãi/lỗ thuần từ các hoạt động kinh doanh khác	Năm 2007	Năm 2006
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh khác	33,692,247,425	1,435,154,252
Chi phí hoạt động kinh doanh khác	2,281,488,831	29,935,321
Lãi/lỗ thuần từ các hoạt động kinh doanh khác	31,410,758,594	1,405,218,931

20. Chi phí hoạt động	Năm 2007	Năm 2006
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	6,600,316,624	575,309,857
Chi phí cho nhân viên	37,961,459,321	8,686,125,712
Trong đó:		
- Chi lương và phụ cấp	35,418,473,715	8,102,729,600
- Các khoản chi đóng góp theo lương	2,105,514,902	572,846,212
- Chi trợ cấp	437,010,704	7,129,900
- Chi công tác xã hội	100,000	3,420,000
Chi về tài sản	37,418,742,356	7,472,187,294
- Trong đó KH TSCĐ	7,298,223,205	910,989,324
Chi cho hoạt động quản lý công vụ	22,209,304,474	6,673,175,548
Trong đó:		
- Công tác phí	1,395,283,126	1,104,326,048
- Chi về các hoạt động đoàn thể của TCTD	0	
Chi nộp phí bảo hiểm, bảo toàn tiền gửi của khách hàng	1,372,802,000	65,976,000
Chi phí dự phòng (không tính chi phí dự phòng RR tín dụng nội và ngoại bảng; chi phí dự phòng giảm giá CK)	5,326,649,784	426,117,628
Chi phí hoạt động khác	-	-
Tổng cộng	110,889,274,559	23,898,892,039

21. Chi phí thuế thu nhập

21.1. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm 2007	Năm 2006
Lợi nhuận trước thuế TNDN	103,437,385,899	28,651,036,637
Các khoản mục điều chỉnh	1,986,832,326	
Trừ Thu nhập được miễn thuế TNDN	1,986,832,326	
Thu nhập từ góp vốn liên doanh mua cổ phần	1,198,058,700	705,702,778
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	788,773,626	-
Thu lãi đầu tư chứng khoán		
Cộng Chi phí không được khấu trừ khi xác định lợi nhuận tính thuế	1,063,468,206	-
Thu nhập chịu thuế	102,514,021,779	27,945,333,859
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	28,703,926,098	7,824,693,481
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	28,703,926,098	7,824,693,481
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	14,200,000,000	300,000,000
Điều chỉnh chênh lệch thuế TNDN của các năm trước	-	-
Thuế TNDN còn phải nộp cuối kỳ	14,503,926,098	7,524,693,481

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG MỘT SỐ KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

22. Tiền và các khoản tương đương tiền	Năm 2007	Năm 2006
Tiền mặt và các khoản tương đương tiền tại quỹ	78,541,939,762	23,115,175,198
Tiền gửi tại NHNN	811,471,144,544	11,151,474,378
Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác (gồm không kỳ hạn và có kỳ hạn không quá 3 tháng)	4,049,134,807,194	409,162,572,746
Tổng cộng	4,939,147,891,500	443,429,222,322

VIII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

Đơn vị tính: triệu Đồng

23. Tình hình thu nhập của cán bộ công nhân viên	Năm 2007	Năm 2006
Tổng số cán bộ công nhân viên	862	314
Thu nhập của cán bộ	38,276	9,549
Tổng quỹ lương	34,587	7,549
Tiền thưởng	3,689	2,000

2007

24. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với NSNN

Đơn vị tính: triệu Đồng

	SDĐK	Số phát sinh trong kỳ		SDCK
		Số phải nộp	Số đã nộp	
Thuế GTGT	72	387	435	24
Thuế TNDN	7,524	28,704	21,724	14,504
Các loại thuế khác	166	127	280	13
Tổng cộng	7,762	29,218	22,439	14,541

25. Loại hình và giá trị tài sản thế chấp của khách hàng

Loại hình tài sản	Giá trị TS ghi nhận tại thời điểm cầm cố thế chấp	Giá trị TS ghi nhận tại thời điểm lập BCTC
Vàng, số dư tiền gửi, sổ tiết kiệm bằng ngoại tệ tại TCTD	83,198,115,892	83,198,115,892
Số dư tiền gửi, sổ tiết kiệm bằng VND tại TCTD	805,700,000	805,700,000
Trái phiếu CP thời hạn còn từ 01 năm đến 05 năm	233,653,000	233,653,000
Các loại TS đảm bảo khác	169,599,850,000	169,599,850,000
Chứng khoán của các TCTD khác	10,444,100,000	10,444,100,000
Loại khác	40,340,000	40,340,000
Hàng hoá, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu	273,471,708,617	273,471,708,617
Máy móc thiết bị chuyên dùng	12,772,262,099	12,772,262,099
Nhà ở dân cư có giấy tờ hợp pháp	922,703,705,590	922,703,705,590
BĐS gắn liền QSD đất hợp pháp	678,199,011,417	678,199,011,417
Phương tiện vận chuyển	435,276,126,477	435,276,126,477
Quyền sử dụng đất	1,531,612,097,659	1,531,612,097,659
Số dư tiền gửi, sổ tiết kiệm bằng VND của các TCTD	166,124,121,541	166,124,121,541
Thương phiếu, GTCG của TCTD khác	500,000,000	500,000,000
Các loại TS đảm bảo khác	246,635,738,802	246,635,738,802

26. Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn

Năm 2007

Năm 2006

Bảo lãnh vay vốn	70,000,000,000	-
Bảo lãnh khác	8,317,614,592	2,544,319,829
Tổng cộng	78,317,614,592	2,544,319,829

27. Mức độ tập trung theo khu vực địa lý của các tài sản, công nợ và các khoản mục ngoại bảng

Đơn vị tính: triệu Đồng

Khu vực địa lý	Tổng dư nợ cho vay	Tổng tiền gửi	Các cam kết tín dụng	Kinh doanh và đầu tư CK (chênh lệch DN-DC)
Trong nước	4,363,446	4,890,465	78,318	-
Nước ngoài	-	-	-	-

IX. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

28. Rủi ro tiền tệ

Đơn vị tính: nghìn Đồng

Chỉ tiêu	EUR được quy đổi	USD được quy đổi	Giá trị vàng tiền tệ được quy đổi	Các ngoại tệ khác được quy đổi	Tổng
Tài sản					
Tiền mặt, VBĐQ	61,997	9,062,240	16,100	69,401,603	78,541,940
Tiền gửi tại NHNN	811,471,145	0	-	-	811,471,145
Tiền gửi và cho vay tại các TCTD khác	5,071,532	175,313,695	-	3,898,749,583	4,079,134,810
Cho vay khách hàng	-	360,160,685	-	3,997,190,350	4,357,351,035
Góp vốn, đầu tư dài hạn	-	-	-	182,210,600	182,210,600
TSCĐ và BĐS đầu tư	-	-	-	59,736,972	59,736,972
Các TS có khác	-	-	16,380,664	318,246,900	334,627,564
Tổng tài sản	816,604,674	544,536,620	16,396,764	8,525,536,008	9,903,074,066
Nợ phải trả và vốn CSH					
Tiền gửi của NHNN và vay của các TCTD khác	-	77,363,321	-	2,808,194,090	2,885,557,411
Tiền gửi của khách hàng	4,593,140	411,719,937	-	5,723,821,864	6,140,134,941
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	16,100	-	16,100
Các khoản nợ khác	-	25,629,652	-	272,707,714	298,337,366
Vốn và các quỹ	-	-	-	579,028,248	579,028,248
Tổng Nợ phải trả và vốn CSH	4,593,140	514,712,910	16,100	9,383,751,916	9,903,074,066

Ngày 25 tháng 01 năm 2008

Kế Toán Trưởng

Huỳnh Vĩnh Phát

Tổng Giám Đốc

Lê Quang Trí

2007

NAM VIỆT NGÂN HÀNG
75 | BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN





GIỚI THIỆU VỀ NGÂN HÀNG TMCP NAM VIỆT

Được thành lập từ năm 1995, trải qua hơn 10 năm hoạt động, Ngân hàng TMCP Nam Việt (NAVIBANK) đã gặt hái được những thành công bước đầu thể hiện qua sự tăng trưởng nhanh chóng và ổn định về quy mô tổng tài sản, vốn điều lệ lẫn hiệu quả kinh doanh. Trong nỗ lực nâng cao năng lực cạnh tranh, đón đầu xu thế hội nhập kinh tế quốc tế, NAVIBANK xác định mũi nhọn chiến lược phải tập trung là lành mạnh hóa tình hình tài chính thông qua việc tăng vốn điều lệ và thực hiện tốt công tác quản trị rủi ro. Bên cạnh đó, việc nghiên cứu phát triển mạng lưới hoạt động của NAVIBANK tại các địa bàn trọng yếu về kinh tế của cả nước cũng đang được quan tâm một cách đặc biệt.

Đối với chúng tôi, sự phát triển ổn định và bền vững của một tổ chức chỉ có thể có được nếu tổ chức đó tạo dựng được uy tín và lòng tin đối với công chúng. Ý thức được điều này, toàn bộ các mảng hoạt động nghiệp vụ của NAVIBANK đều được chuẩn hoá trên cơ sở các chuẩn mực quốc tế thông qua việc triển khai vận dụng Hệ thống quản trị ngân hàng cốt lõi (core banking) Microbank. Với hệ thống này, NAVIBANK sẵn sàng cung cấp cho khách hàng các sản phẩm dịch vụ chính xác, an toàn, nhanh chóng và hiệu quả. Chúng tôi, NAVIBANK, tự hào là điểm tựa tài chính vững chắc để hỗ trợ Quý khách hàng đạt được những thành công ngày càng rực rỡ hơn trong cuộc sống.

NAVIBANK – ĐIỂM TỰA TÀI CHÍNH, NÂNG BƯỚC THÀNH CÔNG.





CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG VỚI KHÁCH HÀNG



Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, NAVIBANK luôn hướng đến sự phát triển bền vững, các hoạt động của NAVIBANK luôn chuẩn mực nhằm mang lại sự an toàn tuyệt đối cho người gửi tiền và các đối tác có liên quan.

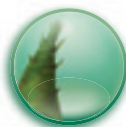
Là một doanh nghiệp trong nền kinh tế, NAVIBANK cam kết tuân thủ tuyệt đối các quy định của Chính phủ, của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các quy định khác có liên quan của pháp luật hiện hành.

Là nhà cung cấp dịch vụ tài chính Ngân hàng, NAVIBANK cam kết mang lại cho các khách hàng của mình sản phẩm dịch vụ chất lượng cao, tiện ích tốt nhất nhằm thỏa mãn nhu cầu ngày càng đa dạng của khách hàng.

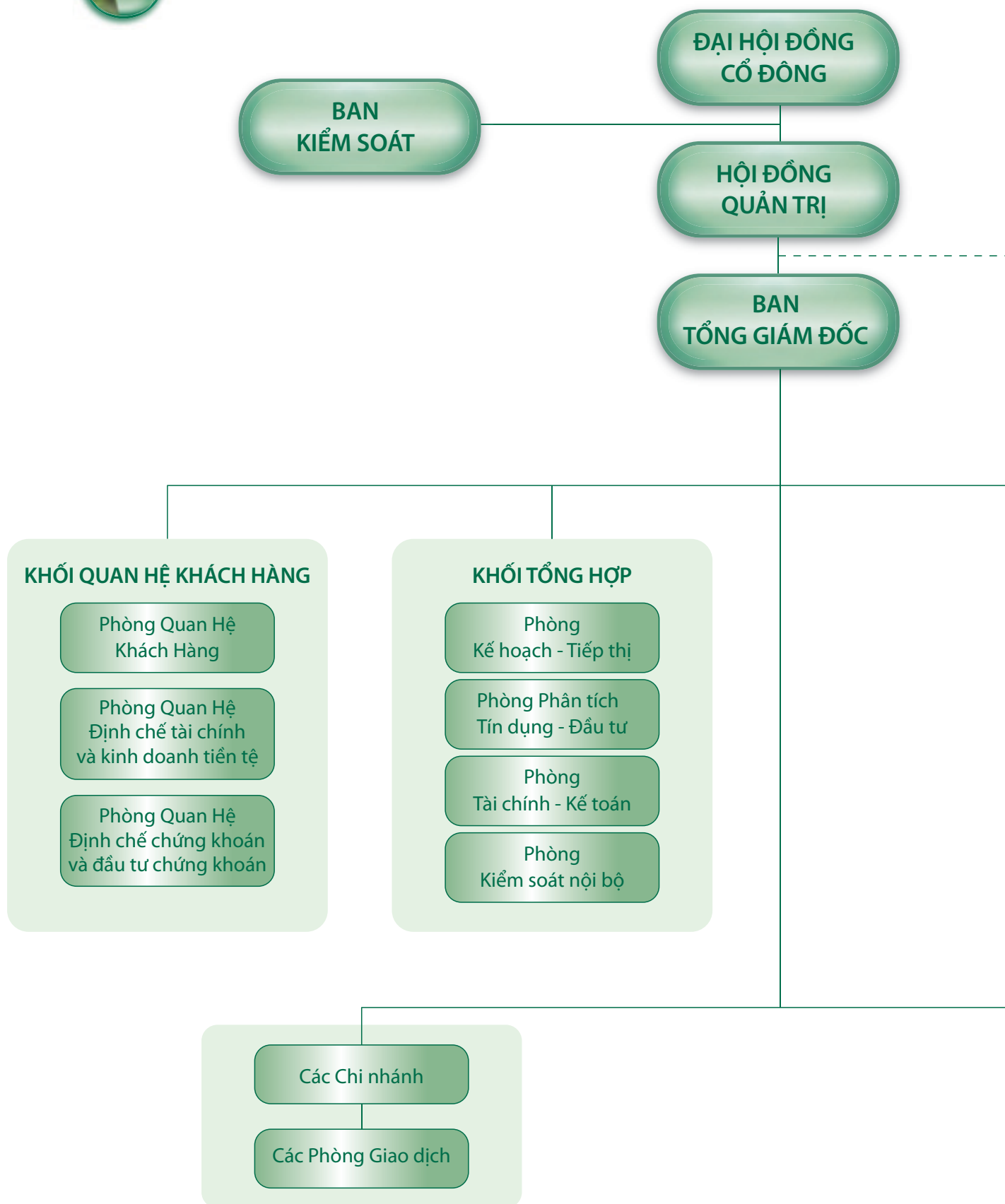
Là thành viên tích cực của cộng đồng, NAVIBANK luôn hướng về cộng đồng, tham gia tích cực vào các chương trình xã hội, các hoạt động từ thiện xóa đói, giảm nghèo, khắc phục thiên tai, khuyến học.

Là một doanh nghiệp cổ phần, NAVIBANK sẽ hoạt động an toàn hiệu quả nhằm mang lại lợi nhuận tối đa một cách chính đáng cho các cổ đông và công ăn việc làm ổn định cho người lao động.

2007



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



Hội đồng Quản lý Tài sản - Nợ
Hội đồng Quản lý Rủi ro
Hội đồng Lương thưởng
Hội đồng Tín dụng

KHỐI TÁC NGHIỆP

Phòng
Dịch vụ Khách hàng

Phòng
Xử lý bộ chứng từ

Trung tâm
Dịch vụ Thẻ

KHỐI HỖ TRỢ - KỸ THUẬT

Trung tâm
Công nghệ thông tin

Phòng
Hành Chánh - Nhân sự

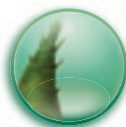
Phòng Pháp chế

Phòng Đào tạo

Các Công ty trực thuộc

2007





CÁC SỰ KIỆN ĐÁNG CHÚ Ý NĂM 2007

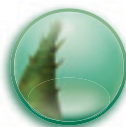
- 06-01-2007 Khai trương hoạt động Chi nhánh Hải Phòng
- 16-01-2007 Chi nhánh Đà Nẵng khai trương hoạt động PGD số 1 – NAVIBANK Núi Thành
- 19-01-2007 Tổ chức Lễ trao giải Chương trình khuyến mại "Gửi tiền Nam Việt Du lịch năm châu" từ

28/09/2006 đến 27/12/2006

- 20-01-2007 Hội Sở chính khai trương hoạt động PGD số 6 – NAVIBANK Phan Đăng Lưu
- 20-01-2007 Hội Sở chính khai trương hoạt động PGD số 7 – NAVIBANK Cộng Hòa
- 05-02-2007 Khai trương hoạt động Chi nhánh Đà Nẵng
- 10-02-2007 Tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2007
- 13-02-2007 Hội Sở chính khai trương hoạt động PGD số 8 – NAVIBANK Khánh Hội
- 11-04-2007 Hội Sở chính khai trương hoạt động PGD số 10 – NAVIBANK CMT8
- 11-04-2007 Hội Sở chính khai trương hoạt động PGD số 11 – NAVIBANK Trần Hưng Đạo
- 16-04-2007 Chi nhánh Hà Nội khai trương hoạt động PGD số 6 – NAVIBANK Bát Đàn
- 20-04-2007 Chi nhánh Hà Nội khai trương hoạt động PGD số 7 – NAVIBANK Bắc Ninh

- 05-05-2007 ————— Tổ chức Lễ rút thăm Chương trình khuyến mại "Cùng Navibank đón lộc đầu xuân" từ
20/01/2007 đến 20/04/2007
- 18-05-2007 ————— Tổ chức Lễ trao giải Chương trình khuyến mại "Cùng Navibank đón lộc đầu xuân" từ
20/01/2007 đến 20/04/2007
- 18-05-2007 ————— Chi nhánh Đà Nẵng khai trương hoạt động PGD số 2 – NAVIBANK Hùng Vương
- 05-06-2007 ————— Chi nhánh Hải Phòng khai trương hoạt động PGD số 1 – NAVIBANK Hải An
- 05-06-2007 ————— Chi nhánh Hải Phòng khai trương hoạt động PGD số 2 – NAVIBANK Lê Chân
- 09-06-2007 ————— Lễ trao tặng nhà tình nghĩa tại Bến Tre
- 20-06-2007 ————— Chi nhánh Đà Nẵng khai trương hoạt động PGD số 3 – NAVIBANK Nguyễn Văn Linh
- 25-06-2007 ————— Hội Sở chính khai trương hoạt động PGD số 14 – NAVIBANK Nguyễn Trãi
- 01-07-2007 ————— Khai trương hoạt động Chi nhánh Cần Thơ
- 01-07-2007 ————— Lễ ký kết hợp đồng hợp tác toàn diện với Khu công nghiệp SG Cần Thơ và SG Hậu Giang
- 10-07-2007 ————— Hội Sở chính khai trương hoạt động PGD số 9 – NAVIBANK Lê Đại Hành

2007



CÁC SỰ KIỆN ĐÁNG CHÚ Ý NĂM 2007

- 10-07-2007 Chi nhánh Đà Nẵng khai trương hoạt động PGD số 4 – NAVIBANK Hòa Khánh
- 09-08-2007 Chi nhánh Cần Thơ khai trương hoạt động PGD số 2 – NAVIBANK Vĩnh Long
- 22-08-2007 Hội Sở chính khai trương hoạt động PGD số 13 – NAVIBANK Vô Văn Tấn
- 27-08-2007 Chi nhánh Đà Nẵng khai trương hoạt động PGD số 5 – NAVIBANK Huế
- 28-08-2007 Hội Sở chính khai trương hoạt động PGD số 16 – NAVIBANK Đồng Nai
- 10-09-2007 Hội Sở chính khai trương hoạt động PGD số 12 – NAVIBANK Long An
- 15-09-2007 Tổ chức Lễ rút thăm Chương trình khuyến mại "Con lốc giải thưởng hệ Navibank" từ

01/06/2007 đến 01/09/2007

- 18-09-2007 Chi nhánh Kiên Giang khai trương hoạt động PGD số 6 – NAVIBANK An Giang
- 02-10-2007 Hội Sở chính khai trương hoạt động PGD số 15 – NAVIBANK Bình Dương
- 05-10-2007 Hội Sở chính khai trương hoạt động PGD số 18 – NAVIBANK Trường Chinh
- 20-10-2007 Hội Sở chính khai trương hoạt động PGD số 19 – NAVIBANK Quang Trung
- 05-11-2007 Hội Sở chính khai trương hoạt động PGD số 20 – NAVIBANK Phan Đình Phùng

- 15-11-2007 — Chi nhánh Hà Nội khai trương hoạt động PGD số 8 – NAVIBANK Cầu Giấy
- 15-11-2007 — Chi nhánh Hà Nội khai trương hoạt động PGD số 9 – NAVIBANK Ngọc Khánh
- 15-11-2007 — Chi nhánh Hà Nội khai trương hoạt động PGD số 10 – NAVIBANK Trung Hòa
- 21-11-2007 — Chi nhánh Hà Nội khai trương hoạt động PGD số 12 – NAVIBANK Thái Nguyên
- 24-11-2007 — Tổ chức Hội thảo chuyên đề "Giải pháp tài chính doanh nghiệp"
- 04-12-2007 — Chi nhánh Hải Phòng khai trương hoạt động PGD số 5 – NAVIBANK Quảng Ninh
- 05-12-2007 — Chi nhánh Hải Phòng khai trương hoạt động PGD số 3 – NAVIBANK Hồng Bàng
- 05-12-2007 — Chi nhánh Hải Phòng khai trương hoạt động PGD số 4 – NAVIBANK Ngô Quyền
- 13-12-2007 — Hội sở chính tổ chức Hội nghị khách hàng 2007
- 18-12-2007 — Chi nhánh Hà Nội khai trương hoạt động PGD số 11 – NAVIBANK Hà Tây
- 19-12-2007 — Hội sở chính khai trương hoạt động PGD số 17 – NAVIBANK Vũng Tàu
- 27-12-2007 — Chi nhánh Hà Nội tổ chức Hội nghị khách hàng
- 28-12-2007 — Chi nhánh Hà Nội khai trương hoạt động PGD số 13 – NAVIBANK Bắc Giang

2007



CÔNG TÁC ĐOÀN THỂ, CÔNG ĐOÀN

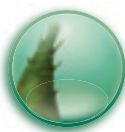
Ý thức sâu sắc vai trò của nguồn nhân lực đối với sự tồn tại và phát triển của mỗi tổ chức, ngay từ những ngày đầu thành lập, bên cạnh các chính sách đãi ngộ và đào tạo hợp lý, Ngân hàng TMCP Nam Việt đã chú trọng đến việc xây dựng môi trường làm việc thân thiện, đoàn kết để ở đó, mỗi cá nhân luôn nhận được sự quan tâm, cảm thông, chia sẻ không chỉ từ các đồng nghiệp mà còn từ các thành viên Ban lãnh đạo Ngân hàng. Với định hướng đó, trong suốt năm 2007 vừa qua, Công đoàn cơ sở Ngân hàng TMCP Nam Việt đã nỗ lực xây dựng mái nhà chung Navibank thông qua việc thường xuyên tổ chức các buổi giao lưu, vui chơi, học tập, bồi dưỡng kỹ năng,... cho toàn thể cán bộ nhân viên. Với các hoạt động vui chơi, học tập bổ ích này, 100% cán bộ nhân viên Ngân hàng TMCP Nam Việt đã tình nguyện tham gia và đều có những đóng góp tích cực cho tổ chức công đoàn cơ sở. Các hoạt động chính của Công đoàn Ngân hàng TMCP Nam Việt năm 2007 có thể được tóm tắt như sau:

- Tham gia cuộc thi nấu ăn do Liên đoàn Lao động Quận 1 tổ chức.
- Tham gia các khóa học Người dẫn chương trình, Thị trường chứng khoán do Liên đoàn Lao động Quận 1 tổ chức.
- Tham gia hội thi viết bài tìm hiểu về Luật cư trú.
- Tham gia các giải bóng đá cùng với các ngân hàng bạn và của Liên đoàn Lao động Quận 1 tổ chức.
- Tổ chức cho Đoàn viên đi dã ngoại tại Đà Lạt.
- Tổ chức các hoạt động truyền thống nhân dịp ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3, Phụ nữ Việt Nam 20/10.
- Thực hiện mừng sinh nhật cho các Đoàn viên.
- Xây dựng quỹ khen thưởng dành cho các em thiếu nhi là con của các Đoàn viên công đoàn có thành tích học tập tốt.
- Tặng quà cho các em thiếu nhi là con của Đoàn viên công đoàn nhân dịp Quốc tế thiếu nhi.



CÁC GIẢI THƯỞNG ĐẠT ĐƯỢC

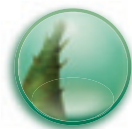
02-2007	Nhận bằng khen của UBND TP. Hồ Chí Minh về việc đã có nhiều thành tích trong công tác tổ chức các hoạt động “ Đường hoa Nguyễn Huệ” và “Lễ hội rước Bánh tét” phục vụ nhân dân vui Tết Đính Hợi – năm 2007
07-06-2007	Nhận bằng khen của UBND TP. Hồ Chí Minh về việc đã có nhiều thành tích trong công tác “Đền ơn đáp nghĩa” nhân kỷ niệm 60 năm ngày Thương binh liệt sĩ (1947-2007)
13-11-2007	Nhận bằng khen của UBND TP. Hồ Chí Minh về việc đã có nhiều thành tích trong công tác tổ chức, tham gia Hội chợ Triển lãm “Chợ Lớn 2007”



CÔNG TÁC TỪ THIỆN XÃ HỘI

- Ủng hộ 100 triệu Đồng cho Hội chữ thập đỏ TP. Hải Phòng
- Ủng hộ 100 triệu Đồng cho Quỹ Chung một tấm lòng của Đài truyền hình TP. Hồ Chí Minh
- Tặng 2.000 phần quà cho các em thiếu nhi nhân ngày Quốc tế thiếu nhi
- Tài trợ 100 triệu Đồng học bổng cho trường Cao đẳng kinh tế Kỹ Thuật TP. Cần Thơ
- Ủng hộ 100 triệu Đồng cho Quỹ bảo trợ nạn nhân chất độc màu da cam
- Hỗ trợ 100 triệu Đồng cho những nạn nhân trong thảm họa sập nhịp dẫn cầu Cần Thơ
- Ủng hộ người có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn Quận 2
- Ủng hộ Bộ đội Quân đảo Trường Sa
- Ủng hộ xây dựng nhà tình thương tỉnh Lâm Đồng, Bình Thuận, Quảng Ngãi
- Ủng hộ xây dựng nhà tình thương Phòng Nội vụ Lao động – Thương binh huyện Phú Quốc
- Tài trợ Lễ hội Đường Hoa Nguyễn Huệ Tết Đính Hợi 2007
- Tài trợ chương trình ca nhạc "Chào xuân 2007"
- Tài trợ chương trình "Phú Thọ - Bách Khoa 50 năm một chặng đường phát triển"
- Tài trợ chính Lễ trao giải Quả cầu vàng Việt Nam
- Tài trợ Liên hoan Tiếng hát Truyền hình tỉnh Bắc Ninh
- Tài trợ Hội chợ triển lãm Chợ Lớn 2007

2007



MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG HIỆN TẠI

KHU VỰC TP. HỒ CHÍ MINH

HỘI SỞ CHÍNHH:

39-41-43 Bến Chương Dương, Q. 1

Tel: (08) 821 6216 - Fax: (08) 914 2738

NAVIBANK Nguyễn Văn Trỗi

305 Nguyễn Văn Trỗi, P. 4, Q. Tân Bình

Tel: (08) 997 5947 - Fax: (08) 997 5936

NAVIBANK Ngô Gia Tự

490 Ngô Gia Tự, P. 4, Q. 10.

Tel: (08) 927 3179 - Fax: (08) 927 3178

NAVIBANK Tân Tạo

Lô 9A Đường C KCN Tân Tạo, Q. Bình Tân

Tel: (08) 754 3145 - Fax: (08) 754 3146

NAVIBANK 3 tháng 2

396 - 398 Đường 3 tháng 2, P. 12, Q. 10.

Tel: (08) 862 3977 - Fax: (08) 862 3976

NAVIBANK Bình Tây

05 Hậu Giang, P. 2, Q. 6.

Tel: (08) 960 9906 - Fax: (08) 960 9907

NAVIBANK Phan Đăng Lưu

22A Phan Đăng Lưu, P. 6, Q. Bình Thạnh.

Tel: (08) 551 2021 - Fax: (08) 551 2022

NAVIBANK Cộng Hòa

259 Cộng Hòa, P. 13, Q. Tân Bình.

Tel: (08) 812 5352 - Fax: (08) 812 5351

NAVIBANK Khánh Hội

175 Khánh Hội, P. 3, Q. 4.

Tel: (08) 941 1554 - Fax: (08) 941 1600

NAVIBANK Lê Đại Hành

157A – 157B Lê Đại Hành, P. 13, Q. 11.

Tel: (08) 962 6926 - Fax: (08) 962 6925

NAVIBANK CMT8

152 Cách Mạng Tháng Tám, P. 5, Q. Tân Bình.

Tel: (08) 993 4318 - Fax: (08) 993 4347

NAVIBANK Trần Hưng Đạo

314 Trần Hưng Đạo, P. Nguyễn Cư Trinh, Q. 1.

Tel: (08) 920 7445 - Fax: (08) 920 7447

NAVIBANK Võ Văn Tần

201 Võ Văn Tần, P. 5, Q. 3.

Tel: (08) 818 1545 - Fax: (08) 818 1544

NAVIBANK Nguyễn Trãi

203 Nguyễn Trãi, P. 2, Q. 5

Tel: (08) 924 0545 - Fax: (08) 924 0544

NAVIBANK Trường Chinh

458 - 460 Trường Chinh, P.13, Q. Tân Bình

Tel: (08) 812 6518 - Fax: (08) 812 6517

NAVIBANK Quang Trung

Tòa nhà Sài Gòn ICT Tower, lô 46,

Khu Công viên Phần mềm Quang Trung, Q.12

Tel: (08)715 9707 - Fax: (08)715 9706

NAVIBANK Phan Đình Phùng

2C Phan Đình Phùng, P. 2, Q. Phú Nhuận.

Tel: (08)995 6427 - Fax: (08)995 6426

NAVIBANK Huỳnh Tấn Phát

1114 Huỳnh Tấn Phát, P. Tân Phú, Q.7

Tel: (08) 773 3261 - Fax: (08) 773 3262

NAVIBANK Phú Lâm

48B Kinh Dương Vương, P.13, Q.6

Tel:(08) 877 9077 - Fax: (08) 877 9078

NAVIBANK Lạc Long Quân

246B – 248 Lạc Long Quân, P.10, Q.11

Tel: (08) 963 6997 - Fax: (08) 963 6995

NAVIBANK Phú Mỹ Hưng

1445 Khu phố Mỹ Toàn 1, P. Tân Phong, Q.7

Tel: (08) 412 2636 - Fax: (08) 412 2635

NAVIBANK Âu Lạc

115B – 117 Trần Hưng Đạo, P.6, Q.5

Tel: (08) 853 9245 - Fax: (08) 853 9247

KHU VỰC LONG AN

NAVIBANK Long An

86 Hùng Vương, P. 2, T.X Tân An.

Tel: (072) 524 218 - Fax: (072) 524 217

NAVIBANK Đức Hoà

Lô 8, Đức Hòa Hạ, KCN Tân Đức

Tel: (072) 769 770 - Fax: (072) 769 771

KHU VỰC TIỀN GIANG

NAVIBANK Tiền Giang

25 - 26 Ấp Bắc, P. 4, TP. Mỹ Tho.

Tel: (073) 975 963 - Fax: (073) 975 964

KHU VỰC BÌNH DƯƠNG

NAVIBANK Bình Dương

09 - 11 Yersin, P. Phú Cường, T.X Thủ Dầu Một.

Tel: (0650) 843 027 - Fax: (0650) 843 026

KHU VỰC ĐỒNG NAI

NAVIBANK Đồng Nai

338 Đường 30/04, P. Trung Dũng, TP. Biên Hòa.

Tel: (061) 394 0149 - Fax: (061) 394 0148

NAVIBANK Nhơn Trạch

319B Xã Hiệp Phước, Nhơn Trạch, Đồng Nai

Tel: (061) - Fax: (061)

KHU VỰC VŨNG TÀU

NAVIBANK Vũng Tàu

93 Lê Hồng Phong, Bà Rịa – Vũng Tàu.

Tel: (064) 574 745 - Fax: (064) 574 744

KHU VỰC HÀ NỘI

NAVIBANK Hà Nội

Số 40 Tổ 45 Đường Kim Liên mới, Ô Chợ Dừa,

P. Phương Liên, Q. Đống Đa.

Tel: (04) 972 4643 - Fax: (04) 972 4642

NAVIBANK Hàng Bột

151 Tôn Đức Thắng, Q. Đống Đa.

Tel: (04) 513 1193 - Fax: (04) 513 1194

NAVIBANK Thái Hà

93 Thái Hà, Q. Đống Đa.

Tel: (04) 537 7091 - Fax: (04) 537 7093

NAVIBANK Đồng Xuân

59-61 Hàng Giấy, P. Đồng Xuân, Q. Hoàn Kiếm.

Tel: (04) 928 4982 - Fax: (04) 928 4984

NAVIBANK Tây Hồ

31 Thụy Khuê, P. Thụy Khuê, Q. Tây Hồ.

Tel: (04) 728 0864 - Fax: (04) 728 0865

NAVIBANK Ngã Tư Sở

12/580 Trường Chinh, P. Khương Thượng,

Q. Đống Đa.

Tel: (04) 564 0678 - Fax: (04) 564 0679

NAVIBANK Bát Đàn

41 Bát Đàn, P. Cửa Đông, Q. Hoàn Kiếm.

Tel: (04) 923 3258 - Fax: (04) 923 3257

NAVIBANK Cầu Giấy

44 Trần Đăng Ninh, P. Dịch Vọng, Q. Cầu Giấy.

Tel: (04) 793 0940 - Fax: (04) 793 0942

NAVIBANK Ngọc Khánh

21 Nguyễn Chí Thanh, P. Ngọc Khánh,

Q. Ba Đình.

Tel: (04) 771 1075 - Fax: (04) 771 1077

NAVIBANK Trung Hòa

Số 8, Lô 11A, Khu Trung Yên, P. Trung Hòa,

Q. Cầu Giấy

Tel: (04) 783 3180 - Fax: (04) 783 3182

NAVIBANK Thanh Nhàn

300 -302 Trần Khát Chân, Q. Hai Bà Trưng

Tel: (04) 972 6860 - Fax: (04) 972 6863

2007

NAVIBANK Long Biên

168 Nguyễn Văn Cừ, P. Bồ Đề, Q. Long Biên

Tel: (04) 872 7627 - Fax: (04) 872 7630

NAVIBANK Hoàng Mai

677 Giải Phóng, P. Giáp Bát, Q. Hoàng Mai

Tel: (04) 665 8022 - Fax: (04) 665 8025

KHU VỰC BẮC NINH

NAVIBANK Bắc Ninh

185 Trần Hưng Đạo, P. Tiễn An, TP. Bắc Ninh.

Tel: (0241) 893 002 - Fax: (0241) 893 005

KHU VỰC THÁI NGUYÊN

NAVIBANK Thái Nguyên

44A Hoàng Văn Thụ, P. Hoàng Văn Thụ.

Tel: (0280) 750 970 - Fax: (0280) 750 973

KHU VỰC HÀ TÂY

NAVIBANK Hà Tây

385 Quang Trung, P. Quang Trung, TP. Hà Đông

Tel: (0343) 552 833 - Fax: (0343) 552 834

KHU VỰC BẮC GIANG

NAVIBANK Bắc Giang

Lô 02, 09 Nguyễn Thị Lưu, P. Trần Phú.

Tel: (0240) 824 579 - Fax: (0240) 824 582

KHU VỰC HƯNG YÊN

NAVIBANK Hưng Yên

Ngã Tư Phố Bần, Thị trấn Bần Yên Nhân,

Huyện Mỹ Hòa.

Tel: (0321) 742 039 - Fax: (0321) 742 042

KHU VỰC HẢI PHÒNG

NAVIBANK Hải Phòng

18A Lạch Tray, Q. Ngô Quyền.

Tel: (031) 384 7866 - Fax: (031) 384 7896

NAVIBANK Hải An

413 Ngô Gia Tự, Q. Hải An.

Tel: (031) 355 9096 - Fax: (031) 355 9095

NAVIBANK Lê Chân

88-90 Trần Nguyên Hãn, Q. Lê Chân.

Tel: (031) 325 5658 - Fax: (031) 325 5659

NAVIBANK Hồng Bàng

155 Quang Trung, Q. Hồng Bàng.

Tel: (031) 352 1066 - Fax: (031) 352 1065

NAVIBANK Ngô Quyền

9F Trần Phú, Q. Ngô Quyền

Tel: (031) 375 7066 - Fax: (031) 375 7065

NAVIBANK Thủy Nguyên

49 Bạch Đằng, Núi Đèo, Q. Thủy Nguyên

Tel: (031) 364 2758 - Fax: (031) 364 2759

NAVIBANK Hoàng Văn Thụ

18 Trần Hưng Đạo, P. Hoàng Văn Thụ,

Q. Hồng Bàng.

Tel: (031) 381 0316 - Fax: (031)

KHU VỰC THÁI BÌNH

NAVIBANK Thái Bình

176 Hai Bà Trưng, P. Đề Thám, Q. Thái Bình

Tel: (036) 643 638 - Fax: (036) 643 639

KHU VỰC QUẢNG NINH

NAVIBANK Quảng Ninh

577 Trần Phú, Cẩm Trung, Cẩm Phả.

Tel: (033) 933 399 - Fax: (033) 936 799

KHU VỰC ĐÀ NẴNG

NAVIBANK Đà Nẵng

441 Lê Duẩn, Q. Thanh Khê.

Tel: (0511) 365 1666 - Fax: (0511) 365 1667

NAVIBANK Núi Thành

99 Núi Thành, P. Hòa Thuận Đông, Q. Hải Châu.

Tel: (0511) 363 1289 - Fax: (0511) 363 1299

NAVIBANK Hùng Vương

46 Hùng Vương, Q. Hải Châu.

Tel: (0511) 382 7898 - Fax: (0511) 389 2470

NAVIBANK Nguyễn Văn Linh

46 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê.

Tel: (0511) 358 4845 - Fax: (0511) 358 4847

NAVIBANK Hòa Khánh

173A Nguyễn Lương Bằng, Q. Liên Chiểu.

Tel: (0511) 384 2113 - Fax: (0511) 384 2551

NAVIBANK Sơn Trà

559 Ngô Quyền, Q. Sơn Trà

Tel: (0511) 393 2990 - Fax: (0511) 393 2937

KHU VỰC HUẾ

NAVIBANK Huế

271 Trần Hưng Đạo, TP. Huế.

Tel: (054) 571 911 - Fax: (054) 571 913

KHU VỰC KIÊN GIANG

NAVIBANK Kiên Giang

123 Mạc Cửu, P. Vĩnh Thanh, TP. Rạch Giá.

Tel: (077) 392 1188 - Fax: (077) 392 1011

NAVIBANK Rạch Sỏi

45 CMT8, P. Vĩnh Lợi, TP. Rạch Giá.

Tel: (077) 386 5555 - Fax: (077) 386 4695

NAVIBANK Hòn Đất

Ấp Chòm Sao, Thị trấn Hòn Đất, Huyện Hòn Đất.

Tel: (077) 384 1554 - Fax: (077) 384 1937

NAVIBANK Cống Tam Quan

366 Nguyễn Trung Trực, P. Vĩnh Lạc, TP. Rạch Giá.

Tel: (077) 392 4642 - Fax: (077) 392 4633

NAVIBANK Hà Tiên

65 Phương Thành, KP 3, P. Bình San, T.X Hà Tiên.

Tel: (077) 395 2772 - Fax: (077) 395 2737

NAVIBANK Tân Hiệp

36 Tổ 3, Khóm A, Thị trấn Tân Hiệp, H. Tân Hiệp.

Tel: (077) 372 7027 - Fax: (077) 372 7017

KHU VỰC AN GIANG

NAVIBANK An Giang

191 Trần Hưng Đạo, Khóm Bình Long 2,

P. Mỹ Bình, TP. Long Xuyên.

Tel: (076) 855 455 - Fax: (076) 855 779

KHU VỰC BẠC LIÊU

NAVIBANK Bạc Liêu

43B Trần Huỳnh, Khóm 2, Thị xã Bạc Liêu.

Tel: (0781) 500 113 - Fax: (0781) 958 666

KHU VỰC CÀ MAU

NAVIBANK Cà Mau

137F Nguyễn Tất Thành, P. 8.

Tel: (0780) 581 667 - Fax: (0780) 581 669

KHU VỰC CẦN THƠ

NAVIBANK Cần Thơ

318 Đường 30/4, P. Hưng Lợi, Q. Ninh Kiều.

Tel: (0710) 781 122 - Fax: (0710) 781 118

NAVIBANK Ninh Kiều

85 Võ Văn Tần, P. Tân An, Q. Ninh Kiều.

Tel: (0710) 817 511 - Fax: (0710) 817 512

KHU VỰC VĨNH LONG

NAVIBANK Vĩnh Long

107B Nguyễn Huệ, P. 2, Thị xã Vĩnh Long.

Tel: (070) 862 411 - Fax: (070) 862 412

KHU VỰC HẬU GIANG

NAVIBANK Hậu Giang

1099 Hùng Vương, P. Ngã Bảy, Thị xã Ngã Bảy.

Tel: (0711) 962 963 - Fax: (0711) 962 969

KHU VỰC ĐỒNG THÁP

NAVIBANK Đồng Tháp

121 Hùng Vương, P. 2, TP. Cao Lãnh.

Tel: (067) 876 166 - Fax: (067) 876 167

2007